

## BÁO CÁO

### Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2018 của huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

##### 1. Điều kiện tự nhiên:

###### a. Vị trí địa lý:

Thanh Liêm nằm ở phía Tây Nam tỉnh Hà Nam, Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Kim Bảng, thành phố Phủ Lý; phía Đông giáp huyện Bình Lục; phía Nam giáp huyện Ý Yên (tỉnh Nam Định) và huyện Gia Viễn (tỉnh Ninh Bình); phía Tây giáp huyện Lạc Thủy (tỉnh Hoà Bình). Diện tích đất tự nhiên của huyện là 16.491,39 ha với 17 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn và 16 xã; tổng số hộ là 39.005 hộ, dân số khoảng 114.349 người, tỷ lệ lao động trong độ tuổi chiếm 57,58% (65.838/114.349 người). Trong đó dân số của 16 xã khoảng 104.759 người, 38.131 hộ dân, tỷ lệ lao động trong độ tuổi chiếm 58,15% (60.919/104.759 người). Thanh Liêm có vai trò đặc biệt quan trọng về chính trị, an ninh, quốc phòng cũng như trong xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và khu vực.

###### b. Địa hình, thổ nhưỡng:

Là một huyện bán sơn địa, có dãy núi đá vôi chạy theo hướng Bắc Nam tạo nên địa hình đa dạng. Các xã trong huyện phần lớn có địa hình thấp, độ cao trung bình so với mặt nước biển dao động từ 3-5 m, có chỗ thấp xuống đến 0,6 - 1,0 m. Địa hình phân bố không đồng đều nhưng nhìn chung có chiều dốc từ Bắc xuống Nam. Chính điểm này thường gây ra ngập úng vào mùa mưa, gây khó khăn không nhỏ cho công tác thủy lợi, phát triển nông nghiệp của huyện. Một số xã như: Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hải, Thanh Nghị, Thanh Lưu, Liêm Sơn... có một phần nằm trong vùng đồng bằng chiêm trũng, một phần nằm trong vùng núi. Vùng núi chủ yếu là núi đá vôi và đồi thoải, có độ cao trung bình khoảng 200 – 400 m, chiếm khoảng 1/3 diện tích toàn huyện.

###### c. Khí hậu:

Thanh Liêm nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nóng, ẩm và mưa nhiều, nhiệt độ trung bình 23<sup>0</sup>C, độ ẩm tương đối là 88%. Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 1.000 – 1.200 giờ. Lượng bức xạ và nền nhiệt cao là điều kiện thuận lợi phát triển hệ cây trồng đa dạng, phong phú; các ngành khai thác và chế biến nông - lâm sản phát triển thuận lợi. Tuy vậy, Thanh Liêm cũng chịu không ít khó khăn do điều kiện thời tiết gây ra như lượng mưa nhiều nhưng phân bố không đều, tập trung tới 70% vào mùa hạ; mùa đông khô lạnh, giá rét kéo dài, lượng mưa ít gây ảnh hưởng đến phát triển sản xuất nông nghiệp.

###### d. Thủy văn:

Thanh Liêm có sông Đáy chảy qua tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại bằng đường thủy giữa các địa phương trong tỉnh và với

các tỉnh lân cận. Đồng thời phục vụ tưới tiêu cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt là tác dụng phân lũ cho sông Hồng khi vượt mức báo động số III. Ngoài ra, huyện còn có các con sông đào Biên Hòa, Đồng Nai, Kinh Thủy, Nguyệt Đức và nhiều ao, hồ, đầm cùng hệ thống kênh mương có tác dụng lưu giữ khối lượng nước lớn đáp ứng nhu cầu trong đời sống và phục vụ sản xuất.

#### e. Tài nguyên:

\* Tài nguyên đất: Diện tích đất tự nhiên là 16.491,39 ha, trong đó: Đất nông nghiệp là 9.010,97 ha, bao gồm: đất sản xuất nông nghiệp 7.235,19 ha (*đất trồng lúa 6.393,60 ha, đất trồng cây hàng năm khác 590,39 ha, đất trồng cây lâu năm 251,23 ha*); Đất nuôi trồng thủy sản là 621,5 ha; đất lâm nghiệp là 1.068,18 ha (*đất rừng sản xuất 310,56 ha, đất rừng phòng hộ 757,62 ha*); đất nông nghiệp khác 86,10 ha; đất phi nông nghiệp là 5.930,69 ha, bao gồm: đất ở 951,27 ha; đất chuyên dùng 4.228,54 ha; đất cơ sở tôn giáo 30,53 ha; đất cơ sở tín ngưỡng 18,57 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 158,81 ha; đất sông ngòi, kênh, 401,44 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 126,88 ha; đất phi nông nghiệp khác 14,69 ha; đất chưa sử dụng 1.549,71 ha (*đất bằng chưa sử dụng 54,16 ha, đất đồi núi chưa sử dụng 206,32 ha, núi đá không có rừng cây 1289,26 ha*).

\* Tài nguyên nước: Thanh Liêm có nguồn nước ngầm khá dồi dào đang được các xã khai thác xử lý phục vụ cho sinh hoạt như: Kiện Khê, Thanh Nguyên, Liêm Sơn, Thanh Tâm... Nguồn nước mặt được lấy chủ yếu từ sông Đáy và từ các nguồn nước khác như nước mưa, nước ao hồ, nước sông trên địa bàn.

\* Tài nguyên khoáng sản: Thanh Liêm có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú với dãy núi đá vôi với trữ lượng lớn, tập trung tại các xã, thị trấn ven sông Đáy (*Kiến Khê, Thanh Thủy, Thanh Tâm, Thanh Nghị, Thanh Hải*) để khai thác chế biến đá và sản xuất xi măng; nguồn đất sét cung cấp nguyên liệu cho sản xuất xi măng, gồm mỏ nghệ tập trung ở 03 xã Liêm Sơn, Thanh Tâm, Thanh Hương, cho phép khai thác và chế biến với quy mô công nghiệp nên đã thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn.

\* Tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp có rừng 1.068,18 ha (*rừng sản xuất 310,56 ha, rừng phòng hộ 757,62 ha*), khai thác lâm sản với sản phẩm chủ yếu là gỗ, tre, nứa, giang, luồng, hóp, song mây.

\* Tài nguyên du lịch: Thanh Liêm có tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch, thám hiểm hang động, lễ hội, trong đó nổi bật có Đền Lãng (xã Liêm Cần), Chùa Vọng Tiên (xã Thanh Lưu), Đình và Chùa Châu (thị trấn Kiện Khê)... Lễ hội vật võ Liễu Đồi (xã Liêm Túc), làng nghề thêu ren An Hòa (xã Thanh Hà) và nhiều di tích lịch sử văn hóa được công nhận cấp tỉnh, cấp quốc gia.

#### 2. Điều kiện kinh tế- xã hội:

Với vị trí địa lý và hệ thống giao thông thuận lợi đã tạo cho Thanh Liêm nhiều lợi thế trong giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch; đẩy mạnh các hoạt động trao đổi hàng hóa, thương mại, dịch vụ với các địa phương trong tỉnh, cũng như các tỉnh trong vùng và cả nước; huy động và khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên trong và thu hút nguồn lực bên ngoài đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thanh Liêm giàu truyền thống văn hiến và cách mạng: Huyện được phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ chống Pháp;

Trong thời kỳ đổi mới Thanh Liêm tiếp tục có nhiều nỗ lực, đóng góp vì sự đổi mới chung của Tỉnh và cả nước.

Các giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng được chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm và thu được kết quả tốt nhất là chỉ đạo về đổi mới tổ chức sản xuất: tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn phát triển đa dạng. Công tác quản lý đất đai, bảo vệ cảnh quan môi trường được chú trọng; công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện dân chủ, công khai, huy động cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vào cuộc, thực hiện đảm bảo kịp tiến độ, phát huy hiệu quả các dự án, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện thúc đẩy kinh tế liên tục phát triển. Các chế độ chính sách về an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ; y tế, giáo dục được tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất; chất lượng giáo dục và công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên; công tác thông tin, truyền truyền và cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới được thực hiện tốt. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị ở cơ sở được tăng cường; dân chủ ở cơ sở ngày càng được phát huy.

### **3. Những thuận lợi và khó khăn:**

#### **3.1. Thuận lợi:**

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự giúp đỡ có hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các cấp ủy Đảng, và cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở đã chủ động thực hiện, đặc biệt đã phát huy vai trò chủ thể của người dân đồng thuận, đoàn kết, chung sức, chung lòng, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

Huyện có kết cấu hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu liên kết kinh tế xã hội với các huyện trong và ngoài tỉnh.

Với vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn như làng nghề thêu ren xuất khẩu ở thôn Hòa Ngãi, An Hòa (xã Thanh Hà), bánh đa, giò chả (thị trấn Kiện Khê), nón lá ở thôn Khoái (xã Liêm Sơn). Đặc biệt, trong những năm gần đây phát triển mạnh về công nghiệp với 04 nhà máy xi măng (*Vissai Hà Nam, Hoàng Long, Xuân Thành, Thành Thắng*), cụm công nghiệp Thanh Lưu, Thanh Liêm, Thanh Hải với nhiều dự án lớn đầu tư đã phát huy hiệu quả (*Nhà máy nước giải khát Number one, Nhà máy sữa Nutifood, Công ty dược phẩm Hoa Thiên Phú, bia Sài Gòn Hà Nam...*) đã giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động trên địa bàn huyện, chuyển dần tỷ lệ lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và thương mại.

#### **3.2. Khó khăn:**

Thanh Liêm là huyện đồng bằng chiêm trũng, bán sơn địa, cùng với tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu như bão, ngập lụt, nắng nóng... gây tác động xấu đến phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là phát triển ngành nông nghiệp của huyện.

Nền kinh tế của huyện xuất phát điểm có mặt còn ở mức thấp: tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn phát triển chưa mạnh, sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như hệ thống thủy lợi gắn với giao thông nội đồng chưa được thực sự đồng bộ.

## **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Văn bản Trung ương:**

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

### **2. Văn bản tỉnh Hà Nam:**

Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/4/2011 của Tỉnh ủy Hà Nam về xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Nam đến năm 2020; Kế hoạch số 547/KH-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03/NQ/TU;

Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011÷ 2015 tỉnh Hà Nam; Quyết định số 15/2015/QĐ -UBND ngày 23/7/2015 về việc điều chỉnh nội dung về cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2015 tỉnh Hà Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ - UBND ngày 30/03/2012;

Quyết định số 126/QĐ -UBND ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hà Nam; Quyết định số 425/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ngày 31/03/2017 về việc ban hành quy định phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016 - 2020.

### **3. Văn bản huyện Thanh Liêm:**

Quyết định số 112-QĐ/HU ngày 10/6/2011 của Huyện ủy Thanh Liêm về việc thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Thanh Liêm, giai đoạn 2011-2020 trong đó có thành lập tổ công tác chuyên môn giúp việc kèm theo quyết định thành lập Ban chỉ đạo; Văn bản số 01-QC/BCĐ ngày 04/7/2011 về quy chế làm việc của Ban chỉ đạo Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Thanh Liêm giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 2006/QĐ-UBND, ngày 20/7/2011 của UBND huyện Thanh Liêm về việc ban hành Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Thanh Liêm giai đoạn 2011-2020;

Chỉ thị số 02-CT/HU ngày 14/3/2013 của Ban Thường vụ Huyện ủy Thanh Liêm về việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND huyện Thanh Liêm về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng mô hình nông thôn mới huyện Thanh Liêm giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 24/6/2016 của UBND huyện Thanh Liêm về việc Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Thanh Liêm giai đoạn 2016-2020;

Nghị Quyết số 13-NQ/HU ngày 07/02/2018 của Huyện ủy Thanh Liêm về xây dựng huyện Thanh Liêm đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; Nghị quyết chuyên đề số 12-NQ/HU ngày 07/2/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện ban hành về lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện đến năm 2020.

### **III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành:**

##### **1.1. Cấp huyện:**

Xác định xây dựng nông thôn mới là cơ hội để phát triển, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt của Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Liêm. Ngay từ khi bắt đầu, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức hội nghị quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa triển khai sâu rộng về nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện được thành lập và thường xuyên củng cố, kiện toàn đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách xã, phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu; hướng dẫn nội dung các tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện; theo dõi báo cáo kịp thời tiến độ, kết quả hàng tháng, công tác sơ, tổng kết năm theo quy định.

Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới ban hành nhiều văn bản để kịp thời chỉ đạo; Ủy ban nhân dân huyện ban hành các kế hoạch, chương trình hành động và tổ chức thực hiện nhằm chỉ đạo sát sao các ban, ngành đoàn thể; đôn đốc hướng dẫn các xã tích cực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Xác định người dân phải là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, huyện đã chú trọng đến công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách, nội dung, mục tiêu đến người dân bằng những việc làm cụ thể, bắt đầu từ thôn đến xã, ưu tiên thực hiện những việc liên quan đến lợi ích trực tiếp, thiết thực của người dân để phong trào xây dựng nông thôn mới thực sự đi vào cuộc sống của mỗi gia đình, mỗi người dân; nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi của xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nên huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, quan tâm phát triển các sản phẩm chủ lực, nâng cao hiệu quả sản xuất bằng việc đẩy mạnh các mô hình sản xuất theo chuỗi, tìm kiếm thị trường...; thường xuyên xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư lớn để chuyển dịch lao động nông thôn và thúc đẩy khu vực nông thôn phát triển, đây được coi là giải pháp đột phá trong xây dựng nông thôn mới.

Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt: Thực hiện từng việc, việc dễ, ít vốn làm trước, việc khó, nhiều vốn làm sau, thường xuyên đôn đốc, đánh giá hàng năm để có biện pháp chỉ đạo, xác định nguồn lực hoàn thiện từng bước xây dựng nông thôn mới.

Thường trực Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên trực tiếp về từng xã để kiểm tra, kịp thời giúp tháo gỡ, giải quyết từng việc cụ thể; các phòng ban, tổ chức đoàn thể cấp huyện và tổ công tác thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát cơ sở nên các khó khăn tại cơ sở được giải quyết kịp thời; từ đó cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể cấp xã, ban phát triển các thôn, xóm đã có sự vào cuộc hiệu quả hơn, người dân hiểu và tin vào cán bộ hơn, để tìm được tiếng nói chung, đồng thời tạo nên sự thay đổi rõ nét về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Định kỳ hàng tháng huyện giao ban với các xã để nghe và chỉ đạo cụ thể từng nhiệm vụ về nội dung xây dựng nông thôn mới; Hàng quý, năm tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết để đánh giá, nhận xét kết quả đạt được, chỉ ra thiếu sót, hạn chế, đồng thời đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, rõ lộ trình, rõ thời gian tới đảm bảo Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả.

### **1.2. Cấp xã:**

Thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Ban giám sát xây dựng nông thôn mới; phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách tiêu chí, cơ sở trên địa bàn; Triển khai nghiêm túc việc nghiên cứu, quán triệt các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh, của huyện; tích cực tổ chức tuyên truyền các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng các quy hoạch cấp xã. Tập trung rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn, lập và triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới. Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giữa các thôn, xóm; huy động các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo các thôn, xóm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công việc thôn, xóm đảm nhiệm.

### **1.3. Cấp thôn, xóm:**

Thành lập Ban phát triển thôn, Ban giám sát thôn để chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong thôn, xóm, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia vào phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới.

## **2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:**

### **2.1. Công tác truyền thông:**

Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình; chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị để tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của chủ thể trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới. Phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” được quan tâm tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện sâu rộng với nhiều hình thức tuyên truyền, vận động đa dạng, phong phú như: qua hệ thống truyền thanh huyện, các xã; pano, áp phích; các lớp học tập, quán triệt Nghị quyết, chuyên đề, tập huấn; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cụ thể:

- Đài Truyền thanh huyện: Tăng cường viết tin bài, làm chuyên mục đăng phát trên đài huyện, đài tỉnh, báo tỉnh; trên công thông tin điện tử huyện, tỉnh; tăng thời lượng phát sóng về chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Ủy ban MTTQ huyện tham mưu với Ban thường vụ Huyện ủy ban hành Thông tri số 15/TTtr ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tăng cường công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc triển khai và thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; xây dựng nhiều chương trình, kế hoạch và mô hình để thực hiện cuộc vận động như: chương trình phối hợp “*Về thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; “*Về thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2016 - 2020...*”. Các mô hình được nhân dân hưởng ứng, thực hiện có hiệu quả và nhân rộng, đến nay 100% số xã có ít nhất 01 mô hình thực hiện cuộc vận động gắn với xây dựng nông thôn mới và xây dựng 5 loại hình tổ tự quản với 17 tổ trên các lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn giao thông, chăm sóc và bảo vệ con đường kiểu mẫu, bảo đảm an toàn thực phẩm..., điển hình như Mô hình “*Khu dân cư văn hóa xây dựng con đường sáng, xanh, sạch, đẹp và phân loại rác thải tại hộ gia đình*” tại thôn Thử Hòa xã Thanh Tân đã triển khai xây dựng con đường mẫu tổng chiều dài hai bên trên 500m, tổng kinh phí trên 60 triệu (*xây dựng hệ thống chiếu sáng, trồng hoa, treo pano...*), trong đó huy động xã hội hóa trên 50 triệu đồng, Ủy ban mặt trận huyện hỗ trợ trên 10 triệu đồng và công do nhân dân thực hiện; mô hình “*Tiểu khu đoàn kết xây dựng đô thị văn minh*” của tiểu khu Ninh Phú, thị trấn Kiện Khê xây dựng con đường kiểu mẫu giá trị gần 100 triệu đồng (*xây và trồng 20 bồn cây, dựng được 14 cột đèn, căng treo 14 khẩu hiệu...*). Đến năm 2018, Quỹ “*Vì người nghèo*” đã vận động ủng hộ được 3,765 tỷ đồng cùng hàng trăm xuất quà tặng cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà cho các hộ nghèo, hộ gặp khó khăn trong dịp Tết với tổng số tiền 842,1 triệu đồng; hỗ trợ hộ nghèo gặp rủi ro, khó khăn ốm đau 51,8 triệu đồng; hỗ trợ hộ nghèo nâng cấp, sửa chữa, làm mới nhà ở với tổng trị giá 980 triệu đồng.

- Các cấp Hội nông dân đã đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như: thông tin tại các buổi sinh hoạt định kỳ; hội nghị, tập huấn; sinh hoạt của các câu lạc bộ nông dân; trên hệ thống truyền thanh thôn, xóm; đưa nội dung tuyên truyền, phát động phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới, ký kết giao ước thi đua hàng năm... thu hút hàng năm trên 29.000 lượt hội viên tham dự.

+ Tổ chức nhiều dịch vụ, hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp như: ủy thác với Ngân hàng CSXH, tín chấp với Ngân hàng NN&PTNT, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp để phát triển sản xuất.

+ Hội viên tích cực chung tay xây dựng nông thôn mới: ủng hộ hàng trăm triệu đồng, hàng nghìn ngày công, sửa chữa và nâng cấp đường giao thông nông thôn; làm mới được 518 km đường giao thông các loại; hiến 13,05 ha đất để làm đường; thành lập 17 tổ thu gom rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng; thực hiện các mô hình ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch như: “*Mô hình sản xuất rau hữu cơ*”; “*mô hình sản xuất nông nghiệp sạch*” xây dựng và duy trì hoạt động của 17 mô hình chi hội “*Nông dân tự quản con đường sáng- xanh- sạch- đẹp*” với trên 1.037,2 km đường giao thông nông thôn;

trực tiếp trồng và chăm sóc trên 3.400 m đường hoa; duy trì thực hiện 5 mô hình liên kết 3 nhà; tham gia xây dựng cánh đồng mẫu với tổng diện tích 116 ha.

- Hội Phụ nữ tổ chức tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới được 172 buổi thu hút 27.315 lượt hội viên tham dự, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động “*Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế*”; “*Phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường*”: phân loại rác thải, ủ phân hữu cơ tại hộ gia đình để làm phân bón; không sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng; mô hình “*Nhà sạch đường ngõ sạch*”: hàng tháng phát động 2 ngày chủ nhật xanh vào chủ nhật đầu tháng và giữa tháng; thành lập Tổ hợp tác “*Phụ nữ liên kết thu gom rác thải*” với 21 thành viên tham gia, quản lý 53 tuyến đường “*Xanh - sạch - đẹp do phụ nữ tự quản*”, trồng và chăm sóc 25 km đường hoa liên thôn, liên xã.

- Hội Cựu chiến binh tuyên truyền, phổ biến, vận động cán bộ, hội viên và nhân dân nhận thức đầy đủ quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Kế hoạch tổ chức thực hiện của chính quyền về chương trình xây dựng nông thôn mới. Các cấp Hội đã bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành khảo sát, kiểm tra, tham mưu, đề xuất ý kiến, tham gia vào các Ban, tiểu ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của địa phương. Hội viên tích cực tự nguyện hiến đất, hiến ruộng, đóng góp tiền, ngày công lao động hoàn thành các tuyến đường giao thông thôn xóm, thủy lợi nội đồng, dồn ruộng, xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, thường xuyên dọn vệ sinh các tuyến đường thôn, xóm, trồng hoa, cây bóng mát tại nhà văn hóa thôn. Đến nay, các cấp hội đã trồng được 2.570 m<sup>2</sup> đường hoa của Hội và tham gia trồng đường hoa của xã được 6.290 m<sup>2</sup>; Hội viên đóng góp xây dựng nhà văn hóa bình quân mỗi khẩu 100 ngàn đồng; hiến tổng diện tích đất thổ cư là 1.866 m<sup>2</sup> để xây dựng các công trình phúc lợi, 6500 m<sup>2</sup> đất ruộng để làm đường thủy lợi nội đồng; ủng hộ tiền và vật chất trị giá 386,45 triệu đồng, 200 m<sup>3</sup> đá, 100 tấn xi măng, 1.474 ngày công lao động; phá 1529,7 m<sup>2</sup> tường bao, 17 gian nhà cấp 4; làm đường giao thông nông thôn được 163 km.

- Hội Người cao tuổi tích cực vận động con cháu trong gia đình, bà con thôn xóm tham gia hưởng ứng phong trào nông thôn mới, thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, cải tạo vườn tạp, xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu...

- Ban thường vụ Huyện đoàn đã chỉ đạo các cơ sở Đoàn tổ chức hàng trăm các buổi tuyên truyền, phổ biến về phát triển nông nghiệp, nông thôn; Duy trì tuyên truyền trên hệ thống trang tin điện tử của tổ chức Đoàn các cấp, đăng bài trên trang facebook, giới thiệu các mô hình, giải pháp hiệu quả, các điển hình thanh niên nông thôn tiêu biểu trong quá trình xây dựng nông thôn mới:

+ Huy động đoàn viên thực hiện: Công trình “*Cứng hóa đường trục chính nội đồng*” tại xã Thanh Bình đã rải đá 400 m đường ra đồng với tổng giá trị hơn 40 triệu đồng; công trình “*Thắp sáng đường quê*” tại xã Liêm Túc với chiều dài 01 km, tổng giá trị gần 20 triệu đồng; công trình “*Lắp đặt điểm vui chơi cho thiếu nhi*” xã Thanh Tân trị giá hơn 18 triệu đồng; công trình “*Đường hoa Thanh niên*” tại nút giao quốc lộ 1A với đường N2 xã Thanh Hà với tổng kinh phí trên 100 triệu đồng, trồng và chăm sóc hơn 23 km đường hoa trên địa bàn huyện.

+ Chỉ đạo các xã tổ chức 287 buổi ra quân “*Ngày thứ 7 tình nguyện*”, “*Ngày Chủ nhật xanh*” thu hút trên 7000 lượt đoàn viên tham gia; phối hợp với các đơn vị xây dựng 06 nhà tình nghĩa trị giá gần 200 triệu đồng và 420 ngày



công lao động; tổ chức tư vấn, khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho 1250 đối tượng chính sách, hộ nghèo trị giá hơn 200 triệu đồng.

+ Tổ chức 03 lớp hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học, trồng nấm ăn, giới thiệu các giống cây, con mới đến 195 đoàn viên thanh niên; 55 lớp chuyển giao tiến bộ KHKT cho trên 3.000 lượt thanh niên.

Các cơ sở Đoàn đã phát huy tốt vai trò xung kích, tình nguyện của thanh niên trong việc giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn nông thôn; thành lập và duy trì các mô hình “Đội thanh niên tình nguyện”, “Chi đoàn dân quân tự vệ”, “Chi đoàn thôn, xóm, 5 không” (*Không có tội phạm, không có tệ nạn xã hội, không có hộ thanh niên nghèo, không mất đoàn kết trong cộng đồng, không có đơn thư khiếu kiện vượt cấp*); “Xã 3 không” (*Không vi phạm pháp luật an toàn giao thông, không tham gia tệ nạn và tội phạm ma túy, không tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức*).

## **2.2. Công tác đào tạo, tập huấn:**

Công tác đào tạo tập huấn cho đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã được chú trọng với mục tiêu nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành và thực thi cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

UBND huyện giao nhiệm vụ cho các Phòng chuyên môn: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kinh Tế - Hạ tầng... hàng năm phối hợp với các đơn vị thuộc sở, ngành của tỉnh, Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức tập huấn cho lãnh đạo xã, thôn, xóm về công tác xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2011 đến nay, huyện đã phối hợp với Sở, ngành của tỉnh tổ chức 14 lớp tập huấn với 1.600 lượt người (*là cán bộ chủ chốt xã, bí thư, thôn trưởng, các tổ chức đoàn thể*) về các nội dung xây dựng nông thôn mới; Tổ chức nhiều lớp tập huấn sản xuất, chuyển giao, ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, phát huy sức mạnh nội lực trong xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm, Ban Chỉ đạo huyện và các xã tổ chức cho cán bộ và nhân dân nhiều đợt tham quan, học tập kinh nghiệm các địa phương trong và ngoài tỉnh để tiếp thu, áp dụng những giải pháp hay về chỉ đạo và thực hiện ở địa phương mình.

## **3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn:**

### **3.1. Tổng kinh phí đầu tư: 1.429,503 tỷ đồng, cụ thể:**

- Kinh phí thực hiện các xã từ năm 2011 ÷ 2018: 1.398,665 tỷ đồng, trong đó:
  - + Ngân sách Trung ương + tỉnh: 356,305 tỷ đồng, chiếm 25,48%;
  - + Ngân sách huyện: 130,517 tỷ đồng, chiếm 9,33%;
  - + Ngân sách xã: 317,286 tỷ đồng, chiếm 22,69%;
  - + Vốn vay tín dụng: 40,618 tỷ đồng, chiếm 2,90%;
  - + Doanh nghiệp: 34,528 tỷ đồng, chiếm 2,47%;
  - + Nhân dân đóng góp: 189,584 tỷ đồng, chiếm 13,56%;
  - + Nguồn vốn khác, vốn lồng ghép: 329,827 tỷ đồng, chiếm 23,57%;
- Kinh phí thực hiện của huyện: 30,838 tỷ đồng.

### **3.2. Quản lý sử dụng nguồn vốn:**

Nguồn vốn do ngân sách Nhà nước đầu tư Chương trình xây dựng nông thôn mới được phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng là nguồn lực chủ yếu trong đầu tư, hỗ trợ các xã thực hiện Chương trình. Ngân sách cấp huyện tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn

thiện các tiêu chí về trường học, giao thông, thủy lợi, sân vận động, nhà văn hóa xã, thôn, xóm, trạm y tế và đầu tư phát triển sản xuất.

Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, được tiếp nhận và thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên công trình phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh thiết yếu như: Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, trường học, trạm y tế, giao thông nông thôn và đường trục chính nội đồng, các tuyến đường huyện,...

Nguồn vốn của nhân dân đóng góp được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, dân chủ, do dân tự bàn bạc, quyết định theo đúng Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Nhân dân trực tiếp quản lý, quyết định đầu tư theo các hạng mục đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do mình đóng góp thông qua các Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng đảm bảo sự đồng thuận trong nhân dân, đáp ứng yêu cầu tiến độ và chất lượng xây dựng công trình phúc lợi ở các thôn, xóm trên toàn bộ 16 xã.

#### **IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN**

##### **1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:**

Tổng số xã trên địa bàn huyện là 16 xã; Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hết năm 2018 là 16 xã đạt tỷ lệ 100%.

##### **2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:**

###### **2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

Đến hết năm 2011, UBND huyện Thanh Liêm hoàn thành việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới cho 16/16 xã trên địa bàn.

Công tác quản lý quy hoạch cấp xã được được chú trọng: 100% số xã đã công khai quy hoạch, cấm mốc chỉ giới theo quy hoạch được duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý các quy hoạch theo quy chế đã được UBND huyện phê duyệt.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

###### **2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

Triển khai, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp các ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động, tổ chức lồng ghép các Chương trình, dự án và sự đóng góp của nhân dân để đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng nông thôn ngày một đồng bộ hơn, diện mạo nông thôn được đổi mới, cụ thể:

###### **a. Về giao thông:**

Khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, theo kết quả đánh giá thực trạng tỷ lệ đường giao thông nông thôn đạt chuẩn so với bộ tiêu chí quốc gia: đường trục xã đạt 83,26%; đường trục thôn đạt 47,56%; đường ngõ xóm đạt 47,56%; đường trục chính nội đồng là đường đất chưa được cứng hóa. Giai đoạn 2011-2018 đã nâng cấp và làm mới bê tông hóa được 27,7 km đường trục xã với số tiền 125,455 tỷ đồng; 187,38 km đường trục thôn, ngõ xóm với tổng kinh phí 114,6 tỷ đồng; cứng hóa được 185,95 km đường trục chính nội đồng đạt chuẩn với tổng kinh phí 39,5 tỷ đồng. Đến nay, tỷ lệ đường giao thông nông thôn đạt chuẩn cụ thể:

- Tỷ lệ đường trục xã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 100% (165,47/165,47 km).

- Tỷ lệ đường trục thôn được cứng hóa đạt chuẩn 100% (157,119/157,119 km).
- Tỷ lệ đường ngõ xóm đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa 100% (200,192/200,192 km).
- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt chuẩn 100% (185,95 km/185,95 km).

**Đánh giá:** Đến nay 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

#### **b. Về thủy lợi:**

Tổng số kênh mương tưới, tiêu cấp 3 do các xã quản lý là 404,35 km, trong đó: kênh kiên cố hóa 65,227 km, chiếm tỷ lệ 16% so với tổng số; 102 trạm bơm có công suất từ 1.000 m<sup>3</sup>/h ÷ 2.500 m<sup>3</sup>/h; cống, đập, xi phông 2.022 cái, đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 7.605,49/7.605,49 ha cây trồng, thủy sản hàng năm (diện tích trồng lúa 6.393,60 ha, trồng cây hàng năm khác 590,39 ha, nuôi trồng thủy sản 621,5 ha), đạt tỷ lệ 100% diện tích. Hệ thống thủy lợi do xã quản lý luôn được chú trọng đầu tư, cải tạo, nâng cấp đảm bảo đáp ứng chủ động tưới, tiêu trong sản xuất và dân sinh.

Công tác phát quang, giải tỏa vi phạm đê điều, kênh mương được thực hiện thường xuyên đảm bảo dòng chảy thông thoáng; các công trình thủy lợi được quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Nam về ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam; công tác xử lý vi phạm Luật Đê điều, Luật Thủy lợi được thực hiện theo quy định.

Hàng năm, 100% số xã (16/16 xã) thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

#### **c. Về điện:**

Từ năm 2011 đến nay hệ thống lưới điện bàn giao cho ngành điện quản lý và đã được đầu tư tương đối đồng bộ đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của hệ thống.

Tổng số khách hàng sử dụng điện thường xuyên và an toàn trên địa bàn 16 xã là 38.756/38.756, đạt tỷ lệ 100%.

**Đánh giá:** Đến nay 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

#### **d. Về trường học:**

Trên địa bàn 16 xã có 49 trường ở 3 cấp học (17 trường Trung học cơ sở; 16 trường Tiểu học và 16 trường Mầm non). Năm 2010, số trường học đạt chuẩn là 28 trường, (05 trường Mầm non, 16 trường Tiểu học, 07 trường Trung học cơ sở). Từ năm 2011 đến nay, đã xây mới 358 phòng học, phòng chức năng; nâng cấp, sửa chữa 267 phòng học, phòng chức năng; bàn ghế đóng mới được 2.480 bộ, sửa chữa được

2.821 bộ; xây mới 50 công trình vệ sinh với tổng kinh phí trên 493,78 tỷ đồng; mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy, học với tổng kinh phí trên 236 tỷ đồng.

Đến hết năm 2018, tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 100% (49/49 trường), trong đó có 10 trường Mầm non và 09 trường Tiểu học được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

#### **e. Về cơ sở vật chất văn hóa:**

Năm 2011, huyện có 75/184 thôn có nhà văn hoá đạt tỷ lệ 40,7%; có 09 xã có nhà văn hóa, sân vận động trung tâm. Thực hiện việc sáp nhập xã, thôn đến năm 2018 còn 95 thôn, 16 xã.

Thực hiện xây dựng nông thôn mới các xã đã tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa xã, thôn và khu thể thao, khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hoá, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh cho các tầng lớp nhân dân. Từ năm 2011 – 2018 đã đầu tư xây mới 59 nhà văn hóa, khu thể thao thôn và 07 nhà văn hóa, khu thể thao xã.

Đến nay, 100% số xã (16/16 xã) có nhà văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và một số khu thể thao thôn, xóm được bố trí là nơi vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

Có 100% số thôn (95/95 thôn) có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ hội họp, sinh hoạt và tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ phục vụ nhân dân trong thôn, khuôn viên được quy hoạch đẹp, có đầy đủ các công trình phụ như tường bao, bồn hoa, hệ thống cây xanh và các vị trí tuyên truyền trực quan...95/95 thôn có câu lạc bộ văn hóa văn nghệ và có sân thể thao đạt tiêu chuẩn theo quy định.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới.

#### **f. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

- Trên địa bàn huyện Thanh Liêm có 15 xã quy hoạch chợ và 01 xã không quy hoạch chợ. Trong giai đoạn 2011-2018 đã huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư xây dựng, nâng cấp 15 chợ đảm bảo đạt chuẩn tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT của Bộ Công thương.

- Tại xã không quy hoạch chợ và các xã có quy hoạch chợ đều có những điểm mua bán tập trung tại các khu vực trung tâm xã hoặc vị trí thuận tiện cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa đáp ứng nhu cầu của nhân dân như cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo đạt chuẩn theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công thương.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### **g. Về thông tin và truyền thông:**

Có 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như nhận gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo...

Mỗi xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (Viettel, Mobifone, Vinaphone). 100% số xã có hạ tầng viễn thông cung cấp dịch vụ Internet đạt tiêu chuẩn đảm bảo hoạt động ổn định, có điểm truy cập Internet đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet cho mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn thôn, xóm.

Toàn huyện có 69 trạm phủ sóng thông tin di động (BTS) của 03 doanh nghiệp viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone). Có 40 điểm cung cấp dịch vụ truy nhập Internet với đường truyền FTTx tốc độ cao được UBND huyện và các cơ quan chức năng cấp phép. Bình quân trên 50% số hộ gia đình/xã sử dụng thuê bao Internet riêng. 100% số xã trong huyện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, 100% cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ để giải quyết công việc.

Trước năm 2011, hệ thống đài truyền thanh của các xã cơ bản được đầu tư từ lâu, máy tăng âm công suất thấp, hệ thống đường dây không đảm bảo. Đến năm 2018, 16/16 xã có đài truyền thanh đảm bảo chất lượng hoạt động thực hiện tiếp sóng 3 cấp và truyền tải các thông tin quản lý, điều hành của địa phương. Đài truyền thanh các xã hoạt động ổn định, thường xuyên đổi mới nội dung tuyên truyền phù hợp với mục đích, tình hình kinh tế - chính trị của huyện, xã.

Hiện nay 95/95 thôn xóm (*đạt tỷ lệ 100%*) đã có hệ thống loa, cụm loa ngoài trời đặt tại địa bàn thôn đảm bảo 100% số hộ gia đình trong thôn, xóm nghe được các thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất nông nghiệp của địa phương.

Toàn huyện có 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành, 16/16 xã đã xây dựng và đưa vào sử dụng trang thông tin điện tử phục vụ việc cung cấp thông tin về tình hình kinh tế, xã hội và hoạt động quản lý điều hành của chính quyền địa phương, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2,3. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành sử dụng chung toàn huyện VSD Office, hoạt động thông suốt từ huyện đến các xã.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### **h. Về nhà ở dân cư:**

Năm 2011, tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ xây dựng là 93,12% (33.226/35.681 hộ). Trong những năm qua, đời sống nhân dân trên địa bàn được nâng lên, nhiều hộ dân đã có điều kiện đầu tư xây dựng, nâng cấp nơi ở ngày càng khang trang, rộng rãi hơn; bên cạnh đó, với các chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà không an toàn cho các hộ nghèo, hộ chính sách, đến nay trên địa bàn huyện không có nhà tạm, nhà dột nát và tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ xây dựng là 98,54% (37.995/38.556 căn).

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 9 về nhà ở trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### 2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

#### a. Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp:

Trên địa bàn huyện có 28 HTX hoạt động theo luật HTX năm 2012. Các HTXDVNN đã mở rộng liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và chế biến, tiêu thụ, nông sản hàng hóa theo chuỗi giá trị; tập trung vào các dịch vụ nông nghiệp như: thủy nông, bảo vệ thực vật, khuyến nông, cung ứng vật tư nông nghiệp... Đến nay, 28/28 HTX (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện dịch vụ thủy nông, 24/28 HTX (đạt tỷ lệ 85%) thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật, khuyến nông và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, 10/28 HTX (đạt tỷ lệ 35%) thực hiện dịch vụ làm đất, 11/28 HTX (đạt tỷ lệ 39%) làm dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, 12/28 HTX (đạt tỷ lệ 42%) tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, 7/28 HTX (đạt tỷ lệ 25%) thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ... Chất lượng các khâu dịch vụ nông nghiệp phục vụ các thành viên trong HTX và hộ nông dân trên địa bàn ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có liên kết chuỗi giá trị. Vốn quỹ của các HTX được bảo toàn và tăng trưởng, các HTX nông nghiệp đang thể hiện vai trò tích cực trong phát triển kinh tế, xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người dân, điển hình như HTX DVNN Thanh Hà (xã Thanh Hà), HTX Bắc Sơn (xã Liêm Sơn), HTX Thanh Nguyên (xã Thanh Nguyên), HTX Liêm Thuận (xã Liêm Thuận)....

#### b. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Năm 2011, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 289,250 tỷ đồng. Sản xuất nông nghiệp đã phát triển toàn diện đạt nhiều thành tựu mới, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và nâng cao thu nhập cho các hộ dân, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh năm 2010) năm 2018 đạt 840 tỷ đồng tăng 2,9 lần so với năm 2011.

Có các vùng sản xuất chuyên canh tập trung theo mô hình "cánh đồng mẫu" với diện tích 278,71 ha, sản xuất 3 vụ/năm (2 vụ lúa, 1 vụ đông) tại các xã Thanh Nguyên, Thanh Tâm, Thanh Hương, Liêm Sơn, Liêm Thuận, Liêm Cần, Liêm Phong, Thanh Bình, Thanh Tân quy mô  $\geq 30$  ha/xã, 2 vụ lúa có sự liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất lúa giống và lúa chất lượng với các công ty giống cây trồng TW, Thái Bình, Nam Dương, Bắc Ninh, Miền Nam, Viện cây lương thực... giá trị thu cao hơn từ 15-20% so với sản xuất thông thường. Năm 2018, bán cho các công ty được 3.400 tấn lúa (lúa giống: 500 tấn, giá bán 8.000 đồng/kg, giá trị thu 4 tỷ đồng; lúa chất lượng: 2.900 tấn, giá bán 7.500 đồng/kg, giá trị thu 21,75 tỷ đồng).

Thực hiện Đề án ứng dụng một số giống cây trồng mới chủ yếu theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô tập trung gắn với hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2017-2021 đã triển khai thực hiện 4 mô hình với diện tích 45 ha tại các xã Liêm Phong, Thanh Nguyên, Thanh Tân có sự liên kết với các công ty như công ty giống cây trồng Miền Trung, công ty Trường Thành, năng suất đạt 63,9 tấn/ha... hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà từ 10 - 15%. Năm 2018 bán cho các công ty 35 tấn lúa các loại (giá 8.000 đồng/kg lúa giống; 7.500 đồng/kg lúa chất lượng).

Có nhiều vùng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các công ty chế biến nông sản xuất khẩu (Công ty Hội Vũ, Trường Thành, Hải Dương, Minh Hiền, Minh Dương, HTX Ba Dân, công ty hạt giống NOVA...): bí xanh, bí đỏ tại xã Thanh Nguyên, Thanh Thủy, Thanh Hương, Liêm Sơn; dưa chuột xuất khẩu xã Liêm Sơn;

Ngô nếp HN88 xã Thanh Nguyên, Thanh Tân, Thanh Hải, Liêm Sơn và một số mô hình năm ăn tại các xã Liêm Cần, Thanh Bình, Thanh Hà, Liêm Sơn, Thanh Thủy... Các mô hình sản xuất đều tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác (*mô hình sản xuất bí xanh, bí đỏ hàng hóa, năng suất trung bình 23 tấn/ha cho giá trị kinh tế khoảng 92 triệu đồng/ha; mô hình dưa bao tử xuất khẩu, năng suất 33 tấn/ha cho giá trị kinh tế khoảng 165 triệu đồng/ha; mô hình ngô nếp xuất khẩu, năng suất 28.000 bắp/ha cho giá trị kinh tế khoảng 84 triệu đồng/ha*).

Chăn nuôi chuyển dần từ hình thức chăn nuôi thủ công, nhỏ lẻ, tận dụng sang chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung quy mô vừa như: Mô hình chăn nuôi dê tại các xã Thanh Hương, Thanh Phong, Thanh Tân, Thanh Nghị, Thanh Hải với quy mô đàn từ 30-100 con/hộ; phát triển đàn bò thịt, bò sinh sản tăng tỷ lệ máu lai với quy mô tổng đàn 4.400 con; mô hình chăn nuôi lợn tập trung xã Thanh Tân nuôi 1.200 con lợn nái, 30 con lợn đực giống; xã Thanh Hải nuôi 1.000 con lợn thịt, 200 con lợn nái; mô hình chăn nuôi lợn từ 50-150 con/hộ tại các xã Thanh Tâm, Thanh Nguyên, Liêm Sơn; nuôi lợn rừng xã Liêm Phong, Liêm Sơn,.. quy mô từ 30-50 con; nuôi hươu tại xã Thanh Hải 5 con/hộ; nuôi chim bồ câu tại xã Liêm Sơn, Thanh Hương với quy mô 100 đôi/hộ ước thu lãi 200 triệu đồng/năm; Nuôi ong tại xã Thanh Lưu, Thanh Tâm, Thanh Tân, Thanh Nghị... quy mô từ 20-100 đàn/hộ ước thu lãi 60-300 triệu/năm; mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học tại xã Thanh phong, Thanh Nghị, Thanh Hải quy mô 5.000-10.000 con/hộ ước thu lãi từ 500-1.000 triệu đồng/năm. Mô hình cung ứng tín dụng thức ăn chăn nuôi chậm trả: từ năm 2013 đến năm 2018 toàn huyện có 4.635 hộ tham gia ở 14 xã, thị trấn, các doanh nghiệp đã cung ứng được 6.924 tấn thức ăn và tạo điều kiện cho các hộ vay vốn với số tiền 111.391 triệu đồng. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2018 đạt 6.750 tấn.

Phát triển thủy sản theo hình thức bán thâm canh và thâm canh, đầu tư máy bơm, máy đảo nước, sử dụng cám công nghiệp; nuôi gỏi vụ kết hợp với đánh tía, thả bù để tận dụng tối đa diện tích ao, hồ và nguồn nước. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2018 là 627,4 ha, sản lượng đạt 2.509,6 tấn, đánh bắt là 95 tấn, ước giá trị lợi nhuận sản xuất trung bình 162,5 triệu đồng/ha/năm, hiệu quả cao hơn 2-3 lần so với trồng lúa. Mô hình ương nuôi cá giống tại xã Thanh Tâm quy mô 01 ha, thu nhập bình quân khoảng 500-700 triệu đồng/năm; Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Hiếu Hạ, xã Thanh Hải với diện tích quy hoạch 90 ha.

Trồng và bảo vệ rừng: Hàng năm, huyện đã chỉ đạo các đơn vị có rừng, khoanh nuôi rừng tự nhiên 116,6 ha, bảo vệ rừng tự nhiên 78,6 ha.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### **c. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ:**

Năm 2011, trên địa bàn huyện có 01 cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề Thanh Lưu với 06 doanh nghiệp, hầu hết đang trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, bước đầu đi vào sản xuất; 01 cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp xã Thanh Hải với 02 doanh nghiệp đã hoàn thành xây dựng cơ bản, bắt đầu hoạt động sản xuất và 01 doanh nghiệp đang đầu tư xây dựng cơ bản.

Đến nay, có 01 khu công nghiệp và 02 cụm công nghiệp và khoảng 150 doanh nghiệp đang hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực, chủ yếu là lĩnh vực vận tải, khai thác và

chế biến khoáng sản (cụm công nghiệp Thanh Lưu 6 ha, Cụm công nghiệp Thanh Hải 16,3 ha, cụm công nghiệp Kiện Khê I là 150,86 ha hiện nay đã được điều chỉnh và mở rộng thành Khu công nghiệp Thanh Liêm). Số lượng nhà đầu tư trong cụm công nghiệp ngày một tăng và đang hoạt động tương đối hiệu quả, đóng góp không nhỏ vào ngân sách nhà nước (năm 2015 là 2.410 triệu đồng, năm 2016 là 2.480 triệu đồng, năm 2017 là 3.969 triệu đồng, năm 2018 là 10.840 triệu đồng).

Về tiểu thủ công nghiệp: Thực hiện Đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp - làng nghề trên địa bàn huyện thời kỳ 2006 - 2010, định hướng 2020, đến nay, toàn huyện đã được công nhận 28 làng nghề, trong đó có 06 làng được công nhận làng nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp; 08 làng đạt tiêu chí làng nghề tiểu thủ công nghiệp và 14 làng được công nhận là làng có nghề tiểu thủ công nghiệp. Trong những năm gần đây các làng nghề rất phát triển, sản phẩm làng nghề đã có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước như: Sản phẩm thêu ren, tranh thêu truyền thống của Hòa Ngãi, An Hòa xã Thanh Hà; nón lá của An Khoái, Văn Quán xã Liêm Sơn; bánh đa Kiện Khê... đặc biệt sản phẩm thêu ren của xã Thanh Hà đã được xuất khẩu đi các nước Châu Âu (Anh, Mỹ...).

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho khoảng 13.500 lao động (trong đó động của huyện làm việc trong các khu, cụm công nghiệp là 10.000 người) có thu nhập ổn định bình quân từ 5,5 – 6,0 triệu đồng/người/tháng. Đồng thời kéo theo sự phát triển của các loại hình dịch vụ để phục vụ nhu cầu đời sống sinh hoạt, giải trí... trên địa bàn lân cận các khu công nghiệp, tạo việc làm cho trên 1.000 lao động của địa phương có thu nhập bình quân 3,5- 4,0 triệu đồng/người/tháng.

Tỉnh Hà Nam đang thực hiện quy hoạch định hướng Khu đô thị diện tích 420 ha, Khu công nghiệp, Khu dịch vụ vui chơi giải trí phía Tây sông Đáy huyện Thanh Liêm trong đó có khu Sân Golf Đồi con Phượng và một số công trình vui chơi giải trí khác như: Khu du lịch tâm linh Núi Chùa, Khu Chùa Vọng Tiên, Đền Lăng, Chùa Ninh Tảo, khu nhà thờ xứ Sở Kiện... hứa hẹn ngành nghề du lịch, dịch vụ sẽ phát triển rất nhanh trong thời gian tới.

#### **d. Về lao động có việc làm:**

Năm 2011, số người trong độ tuổi lao động có việc làm 57.960/77.281 người, đạt tỷ lệ 75% so với tổng số người trong độ tuổi lao động.

Trong những năm qua, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đã phối hợp với trường Trung cấp nghề công nghệ Hà Nam, UBND các xã, thị trấn, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn như: may công nghiệp, hàn điện, điện dân dụng, thêu ren. Qua các lớp đào tạo nghề đã nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề, cơ hội việc làm, thu nhập cho lao động nông thôn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp: năm 2017, giải quyết việc làm mới cho 2.750 lao động nâng số lao động trong độ tuổi có việc làm lên 55.407/59.069 lao động, đạt tỷ lệ 93,8%; năm 2018, giải quyết việc làm mới cho 2815 lao động nâng số lao động trong độ tuổi có việc làm lên 58.638/60.919 lao động, đạt tỷ lệ 96,25% (số liệu chi tiết - phụ lục 1), tăng 21,25% so với năm 2011.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động có việc làm trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.



### e. Về thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo:

#### \* Về thu nhập:

Năm 2011, bình quân thu nhập đầu người của huyện đạt 15 triệu đồng/người/năm, của 16 xã đạt 14,96% triệu đồng/người/năm. Huyện đã tập trung chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... nhằm nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, cho nên năm 2017 bình quân thu nhập đầu người tăng lên 38,10 triệu đồng/người/năm, năm 2018 bình quân toàn huyện đạt 43,10 triệu đồng/người/năm, bình quân của 16 xã đạt 42,92 triệu đồng/người/năm, tăng 2,9 lần so với năm 2011. (số liệu chi tiết - phụ lục 2)

#### \* Về tỷ lệ hộ nghèo:

Huyện ủy, HĐND, UBND huyện luôn quan tâm, chỉ đạo việc thực hiện chính sách an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, huy động nguồn lực để trợ giúp, hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo, giải quyết việc làm, ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội. Các chính sách và giải pháp giảm nghèo được các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến các xã quan tâm, triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực như: Giúp hộ nghèo tiếp cận dạy nghề, hỗ trợ về nhà ở không an toàn; hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các chính sách vay vốn để phát triển ngành nghề:

- Hỗ trợ về nhà ở: Quỹ "Vì người nghèo" huyện hỗ trợ xây mới, sửa chữa 158 nhà tổng kinh phí 4.440 triệu đồng; Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh hỗ trợ xây mới 11 nhà ở với tổng kinh phí 440 triệu đồng.

- Hỗ trợ về tiền điện, thẻ bảo hiểm y tế: Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo với số tiền 1.700 triệu đồng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo 3.649 thẻ.

- Tổ chức thăm tặng quà dịp Tết cho 5.971 lượt người thuộc hộ nghèo, số tiền là 3.1134 triệu đồng. Tiếp nhận và cấp phát 62.340 kg gạo cứu trợ cho 3.286 người nghèo và 870 người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; cấp phát 85.605 kg gạo cho 3.273 người nghèo và 2.434 người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dịp giáp hạt năm 2017.

Qua đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo qua các năm: Năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo là 11,54%; năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,15%; năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 2,56% (giảm 8,98% so với năm 2011) và thấp hơn tỷ lệ bình quân chung của tỉnh (của tỉnh là 2,73%); tỷ lệ hộ nghèo không thuộc chính sách bảo trợ xã hội là 416 hộ chiếm tỷ lệ 1,10%. (số liệu chi tiết - phụ lục 3)

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10, 11 về thu nhập và hộ nghèo trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

## 2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

### a. Về giáo dục:

Huyện Thanh Liêm đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi từ năm 2001, đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ năm 2003; năm 2013 được công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi; năm 2016 huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, tiêu chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 và tiêu chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3. Tỷ lệ Tốt nghiệp trung học cơ sở năm 2011 đạt tỷ lệ 99,3% (2130/2145 học sinh). Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học

phổ thông, bổ túc trung học, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề đạt 87% (1854/2130 học sinh); Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo năm 2011 đạt 19,8% (11.476/57.960 lao động có việc làm);

Qua 08 năm, ngành giáo dục của huyện đã phát triển toàn diện, chất lượng giáo dục đạt được những kết quả tích cực, ổn định vững chắc và từng bước được nâng cao; cơ sở vật chất trang thiết bị trường học thường xuyên được đầu tư nâng cấp theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa. Công tác quản lý, chỉ đạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, cách đánh giá học sinh từng bước đi vào nề nếp; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên của huyện và Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã hoạt động có hiệu quả. Đến nay, kết quả đạt được cụ thể:

100% số xã (16/16 xã) duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập Trung học cơ sở mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Tỷ lệ Tốt nghiệp Trung học cơ sở: Năm 2018 đạt tỷ lệ 99,97% (1627/1628 học sinh). Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học Trung học phổ thông, bổ túc trung học, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề đạt 97% (1578/1627 học sinh).

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: Năm 2011 đạt 19,8% (11.476/57.960 lao động có việc làm), đến năm 2018 đạt 63,10% (37.004/58.638 lao động có việc làm) (số liệu chi tiết - phụ lục 4), tăng 43,3% so với năm 2011.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

#### **b. Về Y tế**

Khi bắt đầu xây dựng nông thôn mới, cơ sở vật chất trang thiết bị các Trạm y tế xã xuống cấp; 100% số xã chưa đạt chuẩn y tế xã giai đoạn 2011-2020 theo quy định của Bộ y tế. Từ năm 2011 đến hết tháng 10/2018 đã xây dựng mới 15 trạm y tế; nâng cấp 01 Trạm y tế xã. Hiện nay, 100% Trạm y tế xã có cơ sở vật chất khang trang sạch sẽ, có đủ trang thiết bị, có bác sỹ, y sỹ, nữ hộ sinh, điều dưỡng, dược sỹ và lương y đa khoa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Các xã đã tích cực xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011- 2020 và nay 16/16 xã được UBND tỉnh công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020.

Công tác tuyên truyền cho người dân tham gia Bảo hiểm y tế được chú trọng, UBND huyện xây dựng kế hoạch phát triển tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế mỗi năm tăng khoảng 4-7%. Năm 2010 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 41,2%, đến năm 2018 đạt 88,25% (92.453/104.759 người/16 xã), tăng 47,05% so với năm 2010.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: Năm 2011, tỷ lệ suy dinh dưỡng theo cân nặng là 17,2%, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 23,2%. Hàng năm, UBND huyện đều đưa chỉ tiêu về giảm tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng là chỉ tiêu chính trong nhiệm vụ phát triển kinh tế chính trị ở địa phương cùng với việc chỉ đạo triển khai Chương trình dinh dưỡng, tuyên truyền trực tiếp cho các bà mẹ có thai và cho con bú, thay đổi nhận thức hành vi, tổ chức uống sữa học đường cho trẻ em ở các lớp mẫu

giáo, nhà trẻ và trường tiểu học nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất và tinh thần cho trẻ. Đến năm 2018, tỷ lệ suy dinh dưỡng theo cân nặng giảm xuống còn 10,55%, giảm 6,65% so với năm 2011; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn 12,74% ( số liệu chi tiết- phụ lục 5), giảm 10,46 % so với năm 2011.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### c. Về văn hoá:

Huyện ủy, UBND huyện tập trung chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa nông thôn an toàn, lành mạnh, con người Thanh Liêm văn hóa - văn minh, thân thiện, mến khách; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể bao gồm 227 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; 35 di tích đã được xếp hạng (10 di tích cấp quốc gia và 25 di tích cấp tỉnh). Các di tích, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo đều lưu giữ truyền thống các hoạt động văn hóa - thể thao dân gian như hát trống quân, châu văn, hát chèo, bơi thuyền chài, đấu vật... 55 câu lạc bộ văn hóa, 03 câu lạc bộ thơ, 59 câu lạc bộ thể dục thể thao thường xuyên hoạt động đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể chất, sáng tạo và hưởng thụ văn học - nghệ thuật của quần chúng.

Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” của huyện đã ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định công nhận danh hiệu làng văn hoá nông thôn mới, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới trên cơ sở quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao & Du lịch và UBND tỉnh, đảm bảo cụ thể hoá và vận dụng các nội dung tiêu chí phù hợp với địa phương, gắn xây dựng làng văn hoá với xây dựng nông thôn mới và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc như: tệ nạn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang...; việc cưới được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ; việc tang được tổ chức văn minh, tiến bộ, các hủ tục đã được loại bỏ. Đến nay, có 94/95 thôn thuộc 16 xã được công nhận làng văn hóa (đạt tỷ lệ 98,94%), tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 94,86% (36.172/38.131 hộ gia đình), số xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định là 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%), tình đoàn kết trong cộng đồng được nâng lên, tạo không khí thi đua sôi nổi, góp phần tích cực vào quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới; số lượng và chất lượng gia đình văn hóa, làng văn hóa, đơn vị văn hóa được duy trì và nâng cao. Các hoạt động văn hoá thể thao quần chúng, lễ hội truyền thống được bảo tồn, phát triển, các thiết chế văn hóa được xây dựng phù hợp với thực tế tại địa phương.

Huyện có nhiều loại hình văn hóa dân gian như hát trống quân, châu văn, hát chèo, bơi thuyền chài, đấu vật... trong đó nổi bật là hát trống quân tại thôn Cháy xã Liêm Thuận, hàng tuần tập luyện 1 đến 2 buổi và được biểu diễn vào các dịp lễ hội truyền thống của địa phương; hát dân ca chèo là một loại hình nghệ thuật lâu đời có mặt ở hầu hết các xã như: Thanh Thủy, Thanh Hà, Thanh Nghị, Thanh Hải... thường xuyên tổ chức giao lưu văn hóa văn nghệ giữa các xã để trao đổi học hỏi kinh nghiệm và góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 về văn hóa trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### c. Về môi trường và an toàn thực phẩm:

Công tác bảo vệ môi trường đóng vai trò quan trọng trong xây dựng nông thôn mới đồng thời xác định tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm là tiêu chí cần nhiều nguồn lực và biện pháp chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Toàn huyện có 13 trạm cấp nước sạch tập trung cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn huyện. Đến nay, tỷ lệ hộ dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98% (37.370/38.131 hộ), trong đó hộ dùng nước sạch là 27.805/38.131 hộ đạt tỷ lệ 72,9% (số liệu chi tiết - phụ lục 6). Một số dự án nước sạch đang tiếp tục triển khai cụ thể: Dự án đầu tư mở rộng công trình cung cấp nước sạch xã Thanh Nghị đã lắp đặt xong đường ống và đồng hồ cho 6/6 thôn vùng Đông Đáy và đã cung cấp nước sạch cho 2 thôn: Bạc Làng, Thử Hòa xã Thanh Tân; Nhà máy nước sạch liên xã Thanh Tâm và Liêm Sơn đang được tiến hành lắp đặt đường ống cấp phối tại các tuyến đường trục của 3 thôn (thôn Hạ Trung Linh, Khoái và Chanh Thượng) với chiều dài khoảng 10 km.

- Trên địa bàn huyện có 198 cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thuộc đối tượng cấp hồ sơ bảo vệ môi trường đã đều có báo cáo tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định. Các doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đóng trên địa bàn huyện đều có các công trình bảo vệ môi trường, có các biện pháp quản lý, xử lý và giảm thiểu chất thải, nước thải; thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận; có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; các cơ sở sản xuất kinh doanh khác xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Các cấp, các ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở tập trung triển khai tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch 427/KH-UBND-NN ngày 13/7/2018 triển khai thực hiện Đề án trồng hoa hai bên đường liên xã, liên thôn tạo cảnh quan môi trường nông thôn. Phát động phong trào trồng hoa, cây xanh trên các tuyến đường, các trụ sở UBND xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học, nhà văn hóa thôn, xóm... Đến năm 2018 đã trồng 59.259,8 m<sup>2</sup> cây hoa làm thảm, làm viền (trồng trong khuôn viên trường học là 5.570 m<sup>2</sup>, trong các khu công sở, trạm trại, trung tâm, doanh nghiệp, đường nội bộ thôn là 5.520 m<sup>2</sup>; trồng hai bên đường liên xã, liên thôn là 48.169,8 m<sup>2</sup>) và 1.563 cây hoa trồng điểm nhấn.

- Hoạt động mai táng phù hợp theo quy định và theo quy hoạch: 100% số xã (16/16 xã) trên địa bàn huyện đạt chỉ tiêu mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch đáp ứng các yêu cầu tại Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh ban hành "Quy định quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Hà Nam". Hiện nay, tổng số nghĩa trang đang hoạt động trên địa bàn các xã là 157, với tổng diện tích 110,03 ha; UBND các xã đã ban hành quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân theo Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và phù hợp với phong tục tập quán của từng thôn; đồng thời chỉ đạo các thôn xây dựng hương ước làng văn hóa có gắn việc quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân tại các thôn. Năm 2011, toàn huyện có 98% đám tang thực hiện nếp sống văn hóa, đến năm 2018, 100% đám tang thực hiện nếp sống văn hóa trong đó có 25,37% đám tang dùng hình thức hỏa táng (chỉ tiêu của UBND tỉnh Hà Nam đến năm 2025 tỷ lệ hỏa táng khu vực nông thôn đạt 20% trở lên).

- Về đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam áp dụng với cơ sở phát sinh chất thải nguy hại trên 600 kg/năm, các cơ sở phát sinh thấp hơn phải có báo cáo định kỳ.

- Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo đúng quy định:

+ Trên địa bàn huyện Thanh Liêm có 02 nhà máy xử lý rác thải tập trung cụ thể: Nhà máy xử lý rác thải của Công ty CPMT Thanh Thủy có công suất 50 tấn/ngày, đêm và nhà máy xử lý rác thải của Công ty Cổ phần môi trường Hà Nam tại xã Thanh Thủy với 02 lò đốt, mỗi lò đốt với công suất 120 tấn/ngày, đêm đảm bảo xử lý rác thải trên toàn huyện và một số xã của các huyện lân cận. Đến nay 100% số xã (16/16 xã) đã thành lập tổ thu gom rác với tổng số là 23 tổ hợp tác; xây dựng 30 bãi trung chuyển rác thải và 54 bãi chôn lấp (*được xử lý bằng vi sinh đảm bảo hợp vệ sinh*). Việc thu gom rác thải được triển khai trên tất cả các thôn đảm bảo rác thải phát sinh từ hộ gia đình được thu gom kịp thời, ước tính tổng lượng rác phát sinh khoảng 57,2 tấn/ngày, lượng được xử lý 54,31 tấn/ngày đạt 95% và được ký kết với Công ty CPMT& Công trình Đầu tư Hà Nam và Công ty TNHHMT Thanh Liêm bốc xúc, vận chuyển đưa về nhà máy xử lý rác thải tập trung để xử lý.

Ngoài ra, để giảm lượng rác thải sinh hoạt, công tác tuyên truyền vận động nhân dân triển khai phân loại rác thải tại nguồn và xử lý rác hữu cơ tại gia đình bằng phương pháp ủ phân vi sinh. Trồng lần phân chuồng dùng trong trồng và chăm sóc hoa, cây cảnh, sản xuất nông sản sạch... đạt kết quả.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (*sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp*) đạt 91,7% (34.975/38.131 hộ). Trong đó, nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 34.975/38.131 hộ (91,7%); nhà tắm hợp vệ sinh đạt 34.975/38.131 hộ (91,7%); bể chứa nước sạch nước hợp vệ sinh đạt 37.370/38.131 hộ (đạt 98%).

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: đạt 89% (30.204 hộ có chuồng trại hợp vệ sinh/33.937 hộ chăn nuôi).

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100% (536/536 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) đã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

**2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:**

**a. Về xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

- Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở luôn được quan tâm cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị... đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) cán bộ công chức xã (350/350 người) đạt chuẩn theo quy định.

- 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- 100% chính quyền các xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch vững mạnh", 100% tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt loại khá trở lên.

Về tiếp cận pháp luật: Triển khai thực hiện Quy định về xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Thanh Liêm theo văn bản số 2707/UBND-NC ngày 21/9/2017 của Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam về thực hiện xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, từ tháng 07/2017 đến năm 2018 đã phổ biến pháp luật trực tiếp 144 buổi với 20.404 lượt người tham dự, 47 cuộc thi với 1500 người tham dự, phát hành miễn phí tài liệu PBGDPL được 3.442 bản, phát sóng chương trình PBGDPL 1.380 lần trên đài truyền thanh, 77 tin bài pháp luật. Đến nay 100% số xã (16/16 xã) được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và chống bạo lực gia đình; bảo vệ, hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội trên địa bàn các xã được chú trọng triển khai theo đúng kế hoạch, đạt kết quả đáng ghi nhận. 100% số xã trên địa bàn huyện được đánh giá đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

#### **b. Về công tác đảm bảo an ninh – quốc phòng quân sự địa phương:**

Trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn nông thôn luôn được giữ vững ổn định; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự, và “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; 100% số xã đạt loại khá trở lên về phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

Xây dựng lực lượng DQTV theo luật, Đề án 1123 của UBND tỉnh, hướng dẫn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, tỷ lệ DQTV đạt 1,35% so với tổng số dân toàn huyện. Chất lượng đảng viên đạt 22,8%, Đoàn viên đạt 65%; xây dựng DQTV với phương châm “Vững mạnh rộng khắp” đủ số lượng, cơ cấu thành phần hợp lý, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thường xuyên được kiện toàn, đào tạo có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Quốc phòng - Quân sự địa phương trong tình hình mới. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa lực lượng DQTV với các lực lượng theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính Phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và nhiệm vụ quốc phòng, Nghị định 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ trong bảo vệ an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng; nắm chắc tình hình, giữ vững ANCT-TTATXH trên địa bàn huyện.

Hàng năm, Đảng ủy, UBND các xã chỉ đạo lực lượng công an xã chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND ban hành Nghị quyết và Kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT, đồng thời tích cực triển khai thực hiện Thông tư số 23 của Bộ công an quy định về khu dân cư, xã phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"; việc thực hiện Thông tri 19-TT/Tu ngày 28/10/2013 của Tỉnh ủy; Kế hoạch 1906/KH-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Hà Nam và hướng dẫn số 161/HD-BCĐ ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về nhân rộng mô hình "Xây dựng khu, cụm công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp an toàn về an ninh, trật tự". Công tác triển khai, vận động, tuyên

truyền đã phát huy tối đa được vai trò của cấp ủy Đảng, Chính quyền góp phần nâng cao được nhận thức, ý thức xây dựng các khu dân cư, doanh nghiệp đạt chuẩn "An toàn về an ninh trật tự".

Tình hình An ninh trật tự ở các xã cơ bản ổn định, không có khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp, không xảy ra trọng án; tội phạm tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

Trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc có nhiều mô hình điển hình tiên tiến đã và đang phát huy tác dụng hiệu quả như "*Xây dựng thôn xóm bình yên, gia đình hòa thuận*", mô hình "*3 giảm, 4 giữ*", "*dân vận khéo giữ gìn an ninh thôn xóm*", "*tổ tự quản, tự phòng, tự hòa giải*" được gắn kết với các phong trào khác như "*Xây dựng khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp không có tội phạm và tệ nạn xã hội*" điển hình tại xã Thanh Nghị đã triển khai xây dựng mô hình mới đó là "*Nhà nghỉ, nhà trọ, khu công nhân tạm trú tự quản đảm bảo ANTT*"; thị trấn Kiện Khê triển khai xây dựng mô hình "*Khu dân cư không có tội phạm và tệ nạn về ma túy*"; các mô hình đang phát huy hiệu quả, giảm tình hình phạm pháp hình sự trên địa bàn và không để mất ANTT trong các doanh nghiệp. Các mô hình trên được các cấp ủy đảng, các ban ngành đoàn thể quan tâm chỉ đạo duy trì hoạt động thường xuyên đang phát huy hiệu quả được quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ.

**Đánh giá:** Đến nay, 16/16 xã (*đạt tỷ lệ 100%*) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

### **3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

#### **3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:**

##### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng năm 2014 và được công bố công khai; có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 ÷ 2020.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 07/3/2018, đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 44/2015/NĐ - CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch phát triển trong sản xuất nông nghiệp phù hợp và xây dựng nông thôn mới; tổ chức, định hướng hệ thống trung tâm cấp huyện, hệ thống điểm dân cư nông thôn bao gồm dân cư tập trung phát triển (*phát triển dân cư mới*); sản xuất phi nông

nghiệp theo hướng thuận lợi cho phát triển hạ tầng và môi trường; hệ thống hạ tầng xã hội, định hướng hạ tầng kỹ thuật về giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, môi trường, thủy lợi đồng thời xác định mục tiêu và giải pháp cụ thể cho từng chỉ tiêu phân đầu.

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức hội nghị công bố quy hoạch và ban hành quy chế quản lý quy hoạch được niêm yết công khai tại trụ sở UBND huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, Đài truyền thanh huyện để nhân dân và các tổ chức liên quan biết và thực hiện.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 1 về quy hoạch trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí:**

##### **\* Đường bộ:**

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới Trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa (*đạt tỷ lệ 100%*).

- Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

**\* Đường thủy:** Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

**\* Vận tải:** Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Huyện Thanh Liêm là địa bàn tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, có tuyến cao tốc Cầu giẽ - Ninh Bình chạy qua với chiều dài khoảng 9 km; tuyến quốc lộ 1A với chiều dài hơn 17 km, tuyến quốc lộ 21 A và 21B với tổng chiều dài khoảng 14 km; tuyến đường sắt Bắc Nam với chiều dài khoảng 5 km và đường sắt chuyên dụng Phủ Lý - Kiện Khê - Bút Sơn dài gần 3km kết nối với tuyến đường sắt Bắc Nam; tuyến Sông Đáy chạy qua với chiều dài 21 km. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải cụ thể.

**\* Đường bộ:** Hiện nay trên địa bàn có 14 tuyến đường huyện (*DH01-DH14*) với tổng chiều dài là 73,6 km. Các tuyến đường do huyện quản lý đều đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm các xã. Trong giai đoạn 2011-



2018 đã triển khai cải tạo, nâng cấp 27,6 km đường huyện với tổng kinh phí là 150,731 tỷ đồng, đến nay:

- Tỷ lệ đường huyện được nhựa, bê tông xi măng hóa đạt 100% (73,6/73,6 km) đạt tiêu chuẩn đường cấp VI, cấp V đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005, và được lắp đặt biển báo giao thông theo tiêu chuẩn.

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện (có 10 cầu, 14 cống) đều được xây dựng kiên cố phù hợp với cấp đường quy hoạch và được lắp đặt hệ thống biển báo giao thông đúng quy định.

- 100% đường huyện quản lý thường xuyên được duy tu, bảo trì hằng năm, kinh phí duy tu bảo trì hằng năm.

\* **Đường thủy:** Trên địa bàn huyện Thanh Liêm có 01 tuyến đường sông (sông Đáy) dài 21 km do cục đường thủy quản lý. Trên các tuyến đường sông đều được lắp đặt hệ thống biển báo đảm bảo an toàn thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

\* **Vận tải:** Thanh Liêm có 01 bến xe khách được quy hoạch với diện tích 18.000 m<sup>2</sup> ở trung tâm huyện và có bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

c. **Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### 3.3. Tiêu chí số 3 thủy lợi:

#### a. Yêu cầu tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững;

+ Được thành lập theo quy định hiện hành;

+ Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý;

+ Thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt.

#### b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Thanh Liêm được đầu tư, nâng cấp và xây dựng theo quy hoạch thủy lợi của tỉnh Hà Nam, có 6 trạm bơm do Công ty khai thác công trình thủy lợi Hà Nam quản lý (trạm bơm Kinh Thanh II có 4 tổ máy, công suất 1 máy 30.600 m<sup>3</sup>/h; có 3 trạm bơm lớn đầu mối với tổng công suất 154.000 m<sup>3</sup>/h; 2 trạm bơm loại vừa với 5 máy công suất từ 1.000÷2.400 m<sup>3</sup>/h); kênh mương (kênh chính, kênh cấp I và cấp II), kênh tưới 90,26 km, đã kiên cố hóa 71,67 km, đạt 79,41%; kênh tiêu 137,35 km, đã kiên cố hóa 2,53 km, đạt 1,84%. Ngoài ra, còn 102 trạm bơm điện, 42 máy bơm điện dã chiến, 101 máy bơm dầu; 404,35 km kênh mương cấp III và 2.022 cống đập, xi phông, cầu máng do các HTXDVNN quản lý. Hệ thống công trình thủy lợi được thông suốt từ công trình đầu mối đến mặt ruộng với hệ số tưới đạt 1,25 lít/s/ha, hệ số tiêu đạt 6,2 lít/s/ha đảm bảo tưới, tiêu chủ động cho 100% diện tích sản xuất nông nghiệp là 7.605,49 ha (diện tích trồng lúa 6.393,60 ha, trồng cây hàng năm khác 590.39 ha, nuôi trồng thủy sản 621,5 ha), đáp ứng nhu cầu dân sinh và phòng, chống thiên tai.

Công tác quản lý và khai thác công trình thủy lợi được phân cấp theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh Hà Nam về ban hành quy định phân cấp, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam (các công trình từ cống đầu kênh cấp III trở xuống thuộc phạm vi quản lý, khai thác của các xã, thị trấn; các công trình từ cống đầu kênh trở lên đến công trình đầu mối thuộc Xi nghiệp thủy nông huyện quản lý, khai thác).

Xi nghiệp thủy nông huyện Thanh Liêm quản lý và khai thác hệ thống công trình thủy lợi đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hoà phân phối nước hợp lý; có kế hoạch xây mới, cải tạo, nâng cấp, duy tu và bảo dưỡng đảm bảo nâng cao chất lượng cung ứng nước phục vụ sản xuất và dân sinh; có phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt. Các HTX dịch vụ nông nghiệp được giao quản lý, điều hành dịch vụ tưới tiêu mặt ruộng, phục vụ sản xuất theo đúng quy định.

Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện làm thủy lợi Đông Xuân, tiến hành nạo vét, tu bổ, cải tạo nâng cấp kiên cố hóa kênh mương và các công trình thủy lợi để đảm bảo tưới tiêu kịp thời cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống dân sinh trên địa bàn.

Các công trình thủy lợi đều có các chủ thể quản lý, được sử dụng và khai thác đúng theo nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt. Công tác bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3.4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

#### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công thương.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Công trình lưới điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đã hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, cung cấp điện an toàn đạt chuẩn và nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như sử dụng điện sinh hoạt của các hộ dân trên địa bàn. Hàng năm, Công ty Điện lực Thanh Liêm có kế hoạch đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống lưới điện đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện thường xuyên, liên tục và chất lượng.

- Hệ thống đường dây điện các loại dài 1056,77 km, trong đó: đường dây trung thế 284,44 km, đường dây hạ thế 772,33 km;

- Tổng số trạm biến áp: Hiện có 382 trạm, trong đó: trạm biến áp của điện lực có 255 trạm, trạm biến áp của khách hàng có 127 trạm;

- Tổng số khách hàng sử dụng điện thường xuyên và an toàn trên địa bàn 16 xã là 38.756/38.756 đạt tỷ lệ 100%.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế, Văn hóa, Giáo dục:**

#### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

- Trung tâm Y tế huyện đảm bảo tốt các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

- Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn Quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện bao gồm trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học Trung học phổ thông. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn huyện được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia trên tổng số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

##### **\* Về Y tế:**

Trước năm 2011, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh từ huyện đến cơ sở còn thiếu chưa đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Từ năm 2011 đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh từ huyện đến cơ sở được đầu tư xây mới nhiều hạng mục như: Nhà điều hành, khoa khám bệnh, khu nhà điều trị... với tổng kinh phí khoảng 24 tỷ đồng; trình độ đội ngũ cán bộ y tế đã được chuẩn hóa và nâng cao cụ thể: 12 Bác sỹ trình độ sau đại học, 10 Bác sỹ trình độ đại học, 02 dược sỹ trình độ đại học và nhiều cán bộ khác. Ngày 06 tháng 9 năm 2006 Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Liêm được UBND tỉnh Hà Nam công nhận đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III tại Quyết định số 916/QĐ- UBND.

Tháng 12 năm 2014, Bệnh viện đa khoa huyện sáp nhập với Trung tâm Y tế thành Trung tâm Y tế với chức năng phòng bệnh và chữa bệnh. Từ năm 2015 đến nay Trung tâm Y tế luôn đạt danh hiệu đơn vị xuất sắc toàn diện.

##### **\* Về Văn hóa:**

Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện được thành lập theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam. Là đơn vị sự nghiệp, được đảm bảo kinh phí hoạt động ngân sách nhà nước cấp.

Về tổ chức bộ máy Trung tâm: Gồm có 07 người (01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc và 05 cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn) trong đó có 01 người được bồi dưỡng chuyên ngành văn hóa, thể dục thể thao, 02 người có trình độ Đại học, 01 người có trình độ thạc sỹ, 03 người có trình độ trung cấp. Cơ sở vật chất

của Trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Thanh Liêm được quy hoạch với tổng diện tích 27.952 m<sup>2</sup>. Nhà văn hóa đa năng rộng 2.000 m<sup>2</sup>, có Hội trường 350 chỗ ngồi được trang bị đầy đủ các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, điều hòa không khí, chống ồn, phòng màn, bục phát biểu, tượng Bác, bộ trang trí khánh tiết và 05 phòng chức năng (*kể cả kho chứa trang thiết bị*) có đủ các với tổng diện tích 150 m<sup>2</sup> và các công trình phụ trợ điện, nước... đã đáp ứng được yêu cầu tổ chức các sự kiện văn hóa - chính trị - xã hội của huyện.

Hệ thống công trình khu liên hiệp thể dục thể thao bao gồm 01 Nhà thi đấu Thể thao đa năng với diện tích 400 m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho tổ chức thi đấu các môn thể thao; 02 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông trong nhà, 05 sân cầu lông ngoài trời, 01 bàn bóng bàn được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập thể dục thể thao (*kể cả buổi tối*) cho vận động viên và nhân dân trong huyện và 01 sân vận động trung tâm huyện với diện tích 13.100 m<sup>2</sup> có sân khấu phục vụ biểu diễn ngoài trời, có tường bao và hệ thống thoát nước.

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, Trung tâm đã phối hợp tốt với các ban, ngành của huyện, UBND các xã tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương đáp ứng được nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí; nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa ngày một cao của nhân dân. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động kết nối với các xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương. Đặc biệt, đã tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ các ngày lễ, ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước, các ngành, lễ hội truyền thống và chào mừng đón nhận bằng công nhận đạt chuẩn nông thôn mới ở các xã.

Kinh phí hoạt động của trung tâm văn hóa huyện Thanh Liêm được thực hiện đảm bảo hàng năm theo đúng quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp.

#### \* Về Giáo dục:

Trên địa bàn huyện có 04 trường Trung học phổ thông (*Trường THPT A Thanh Liêm - thành lập năm 1965, Trường THPT B Thanh Liêm - thành lập năm 1976, Trường THPT C Thanh Liêm - thành lập năm 2004 và Trường THPT Lê Hoàn - thành lập năm 2010*). Năm 2011, có 01 trường THPT A Thanh Liêm đạt chuẩn quốc gia (đạt tỷ lệ 25%).

Đến nay, Trường Trung học phổ thông A Thanh Liêm có 29 phòng học với đầy đủ bàn ghế, hệ thống điện thấp sáng, quạt mát; Nhà bộ môn: 02 phòng Tin với 45 máy tính, 04 phòng thiết bị thí nghiệm (*Lý, Hóa, Sinh*), 02 phòng học tiếng Anh, 02 phòng học Đa năng; 01 phòng thư viện. Trường có 70 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 100% đạt chuẩn đào tạo và trên chuẩn (*08 giáo viên đạt trên chuẩn*). Hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt từ 95% - 100%, tỷ lệ đỗ đại học nguyện vọng 1 đạt trên 52%. Năm 2010, được công nhận trường chuẩn quốc gia, đến năm 2015 được công nhận lại sau 5 năm.

Trường Trung học phổ thông B Thanh Liêm có 26 phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống điện thấp sáng, quạt mát; 02 phòng học vi tính với 57 máy tính; 06 phòng thiết bị thí nghiệm (*Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ*); 02 phòng thư viện; 02 phòng nghe nhìn (*học ngoại ngữ*); 01 nhà tập đa năng với diện tích 750 m<sup>2</sup>. 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn (*17,3% trên chuẩn*). Hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 100%; tỷ lệ đỗ đại học nguyện vọng 1 trên 40%. Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Hà Nam.

Trường Trung học phổ thông Lê Hoàn có 21 phòng học với đầy đủ bàn ghế, hệ thống điện thấp sáng, quạt mát; 02 phòng học vi tính với 45 máy tính; 03 phòng học bộ môn (*Lý, Hóa, Sinh*); 01 phòng thư viện; 02 phòng học Tiếng Anh chuyên dụng; 01 sân học giáo dục thể chất rộng 3.400m<sup>2</sup>. Trường có 42 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn (*có 30,9% trên chuẩn*). Hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông trung bình đạt 99%, tỷ lệ đỗ đại học nguyện vọng 1 trên 40%. Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Hà Nam.

Trường Trung học phổ thông C Thanh Liêm có 18 phòng học văn hóa đầy đủ bàn ghế, điện thấp sáng, quạt trần; 1 phòng học tin có 35 máy đang sử dụng; 1 phòng học bộ môn vật lý, 1 phòng học bộ môn hóa sinh; 1 phòng học tiếng anh; 1 phòng học máy chiếu; 1 phòng thư viện đang hoàn thiện. Trường có 51 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn (*25% đạt trên chuẩn*). Chất lượng giáo dục học sinh tương đối tốt, hàng năm, điểm bình quân thi Trung học phổ thông Quốc gia luôn xếp thứ 12/23-13/23 trường trong tỉnh; tỷ lệ học sinh đỗ đại học trên 40%. Nhà trường đang phấn đấu hoàn thành các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia.

Đến hết năm 2018, trên địa bàn huyện có 03/04 trường Trung học phổ thông được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (*đạt tỷ lệ 75%*).

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Y tế - văn hóa- giáo dục trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3.6. Tiêu chí về sản xuất:**

#### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững;

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Có nhiều mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

## **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

### **\* Về trồng trọt:**

- Năm 2012, thực hiện 4 mô hình lúa gieo thẳng diện tích 60 ha với quy mô 15 ha/mô hình, tổng diện tích lúa gieo thẳng (ở 2 vụ/năm) được 2.338 ha. Đến năm 2018, diện tích lúa gieo thẳng (ở 2 vụ/năm) tăng lên là 11.221,6 ha góp phần làm giảm chi phí đầu vào (công lao động, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật),... tăng năng suất từ 7-10% so với lúa cấy, tăng giá trị thu trên một đơn vị diện tích.

- Sản xuất nông nghiệp hàng hóa: Tập trung sản xuất cây vụ Đông hàng hóa nhằm góp phần giải quyết việc làm, tăng giá trị sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân: Năm 2011, thực hiện 2 mô hình trồng cây bí xanh, bí đỏ với diện tích 24,5 ha (Thanh Thủy 10 ha, Thanh Nguyên 14,5 ha); năm 2012, thực hiện 3 mô hình với diện tích 70 ha (Khoai lang 20 ha tại xã Thanh Thủy, Khoai tây 20 ha tại xã Liêm Sơn, ngô 30 ha tại xã Thanh Tân); năm 2013, thực hiện 2 mô hình với diện tích 30 ha (ngô 10 ha tại xã Thanh Tân, bí xanh, bí đỏ 20 ha tại xã Liêm Sơn); năm 2015 thực hiện mô hình cây bí đỏ với diện tích 20 ha tại xã Thanh Hải. Giá trị thu ở các mô hình cao gấp 2 lần so với giá trị sản xuất lúa. Từ năm 2016 - 2018, các địa phương chủ động duy trì và nhân rộng mô hình, năm 2018 toàn huyện có 85ha trồng các loại cây ngô, bí xanh bí đỏ, khoai tây, khoai lang...

- Thực hiện Đề án cánh đồng mẫu: Từ năm 2014-2017, thực hiện 9 mô hình cánh đồng mẫu với diện tích 278,71 ha sản xuất 3 vụ/năm (2 vụ lúa + 01 vụ đông), vụ Xuân và vụ Mùa sản xuất lúa giống, lúa hàng hóa chất lượng cao (Bắc thom số 7, BC15, HN6, VT-NA2, VT-NA6...) áp dụng quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm có liên kết với các doanh nghiệp cung ứng và tiêu thụ sản phẩm (công ty giống cây trồng TW, Thái Bình, Nam Dương, Bắc Ninh, Miền Nam)... Vụ Đông sản xuất hàng hóa, cây xuất khẩu như dưa chuột xuất khẩu, bí xanh, bí đỏ, ngô nếp,... có giá trị kinh tế cao liên kết với các doanh nghiệp cung ứng và tiêu thụ sản phẩm (Công ty Hội Vũ, Trường Thành, Hải Dương, Minh Hiền),... từ 30 ha (năm 2014) đến năm 2018 lên đến 278,71 ha (Thanh Nguyên 30 ha, Liêm Sơn 30,1 ha, Thanh Tân 30,24 ha, Thanh Bình 31,67 ha, Thanh Hương 30,9 ha, Liêm Phong 31,5 ha, Liêm Cần 31,5 ha, Liêm Thuận 31,1 ha, Thanh Tân 31,7 ha) tạo sự liên kết chặt chẽ trong sản xuất nông nghiệp, tạo thành chuỗi sản xuất khép kín từ cung ứng đến bao tiêu sản phẩm, tạo ra các sản phẩm chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích từ 15-20% so với sản xuất đại trà.

- Thực hiện Đề án phát triển sản xuất nấm ăn góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho các hộ nông dân (*bình quân 200.000 đồng/người/ngày*): năm 2012, có 2 hộ thực hiện, diện tích 420 m<sup>2</sup>; năm 2013, có 48 hộ thực hiện, diện tích 8.194 m<sup>2</sup>; năm 2014, có 150 hộ thực hiện với diện tích 38.958 m<sup>2</sup>; năm 2015, có 137 hộ thực hiện với diện tích 27.835 m<sup>2</sup>; đến hết năm 2018, toàn huyện có 9 cơ sở sản xuất và chế biến nấm, sản xuất bịch giống nấm phục vụ cho sản xuất của cơ sở và cung cấp cho các hộ trồng nấm khác trong và ngoài huyện.

- Thực hiện Đề án ứng dụng một số giống cây trồng mới chủ yếu theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô tập trung gắn với hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2017-2021: Triển khai thực hiện 4 mô hình ở 3 vụ sản xuất với tổng diện tích 35 ha (*01 mô hình với diện tích 10 ha sản xuất 02 vụ lúa chất lượng QP5 tại xã Liêm Phong; vụ đông 02 mô hình với diện tích 15 ha, trong đó 10 ha sản xuất cây bí đỏ hạt đậu tại xã Thanh Nguyên, 05 ha sản xuất ngô Bạch Long F1 tại xã Thanh Tân*) liên kết với công ty Minh Dương, giống cây trồng Miền Trung, Trường Thành.

Sản xuất nông nghiệp sạch làm vệ tinh, liên kết với các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao: năm 2017, triển khai mô hình điểm tại Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp sạch thôn Bạc Làng xã Thanh Tân với diện tích 01ha trồng các loại rau cải, cà chua, bí xanh, bí đỏ... đến nay, toàn huyện có 12 xã thực hiện 26 mô hình sản xuất nông sản sạch với tổng diện tích 421,4 ha (*498 hộ tham gia*), trong đó có 13 mô hình sản xuất lúa hàng hóa tại các xã Thanh Hà, Thanh Hương, Thanh Phong, Thanh Tân, Thanh Hải, Thanh Nguyên... liên kết với các công ty Giống cây trồng Trung ương, Nam Dương, vật tư nông nghiệp Hà Nam, giống cây trồng Thái Bình... 9 mô hình sản xuất nấm ăn tại các xã Liêm Cần, Liêm Sơn, Thanh Bình, Thanh Thủy, 4 mô hình sản xuất rau an toàn tại 03 xã Liêm Sơn, Thanh Tân, Liêm Túc. Mô hình sản xuất rau củ quả an toàn của xã Thanh Tân liên kết với tổ chức Rikoto trong việc ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất, là cầu nối bao tiêu sản phẩm, các mô hình khác đang trong quá trình hoàn thiện các điều kiện sản xuất để liên kết với tập đoàn, trong đó có 02 mô hình sản xuất rau, củ, quả sạch quy mô 4 ha (*Thanh Tân 1ha, Liêm Túc 3 ha*) liên kết với tỉnh đoàn Hà Nam, cửa hàng giới thiệu sản phẩm nông sản an toàn của huyện, sở Nông nghiệp & PTNT, các bếp ăn tập thể trong huyện. Các mô hình liên kết nêu trên đã tạo mối liên kết chặt chẽ trong sản xuất nông nghiệp, tạo thành chuỗi sản xuất khép kín từ cung ứng đến bao tiêu sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng và tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đối với lúa tăng từ 10-15% và rau củ quả tăng 20-30% so với sản xuất thông thường.

#### **\* Về nuôi trồng thủy sản:**

Diện tích nuôi trồng thủy sản là 621,5 ha, trong đó diện tích chuyển dịch trên vùng ruộng trũng là 216,2 ha. Năng suất bình quân khoảng 4,0 tấn/ha/năm. Sản lượng thủy sản ước đạt 2.500 tấn, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch.

Mô hình nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Thanh Hải với diện tích 90ha theo dự án phê duyệt. Diện tích hiện đang nuôi trồng thủy sản tập trung 45,2 ha, số hộ tham gia là 57 hộ, thu nhập hàng năm của các hộ tương đối ổn định, ước giá trị lợi nhuận sản xuất trung bình là 162,5 triệu đồng/ha/năm, hiệu quả cao hơn 2-3 lần so với trồng lúa.

**\* Về chăn nuôi trang trại, gia trại:**

Năm 2018, tổng đàn trâu bò 5.143 con, tổng đàn lợn 32.165 con, đàn gia cầm, thủy cầm 884.100 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 6.750/6.750 tấn, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch.

Mô hình chăn nuôi lợn tập trung xã Thanh Tân nuôi 1.200 con lợn nái, 30 con lợn đực giống; xã Thanh Hải nuôi 1.000 con lợn thịt, 200 con lợn nái. Mô hình chăn nuôi lợn từ 50 -150 con/hộ tại các xã Thanh Tâm, Thanh Nguyên, Liêm Sơn; chăn nuôi gia cầm, thủy cầm quy mô từ 1.000 – 9.000 con/hộ tại các xã Thanh Hải, Thanh Nguyên, Thanh Tân, Thanh Hương, Thanh Nghị, Liêm Túc, Liêm Thuận, Thanh Hà, Liêm Phong. Ngoài ra, còn một số mô hình chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học từ 5.000 – 10.000 con/hộ tại các xã Thanh Phong, Thanh Nghị, Thanh Hải; nuôi Hươu tại xã Thanh Hải nuôi 5 con/hộ; nuôi lợn rừng từ 30-50 con tại các xã Liêm Phong, Thanh Lưu, Liêm Sơn, Thanh Nghị, Thanh Hải. *(số liệu chi tiết các mô hình tiêu biểu - phụ lục 7, 8)*

Để khuyến khích phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản an toàn, ngày 29/06/2017, UBND huyện khai trương gian hàng cung ứng và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp an toàn tại Cầu Nga- xã Liêm Thuận- Thanh Liêm và giao cho Hội phụ nữ huyện quản lý. Các sản phẩm trưng bày chủ yếu là của địa phương như các loại rau sản xuất tại HTX Thanh Niên Liễu đôi – xã Liêm Túc, Thanh Long ruột đỏ tại xã Liêm Sơn, Lạc đỗ tại xã Thanh Tân, Bánh đa Kiện Khê, Nấm ăn tại xã Liêm Cần và xã Thanh Bình... đồng thời liên kết với các địa phương khác như Ôi Trác Văn - Duy Tiên, chuối ngự Đại Hoàng...

**\* Về áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản:**

Năm 2011, toàn huyện có 180 máy làm đất (chủ yếu là máy nhỏ) đảm bảo cơ giới hoá khoảng 86% khâu làm đất; chưa có máy gặt đập liên hợp, máy cấy. Đến nay, toàn huyện hiện có 209 máy làm đất các loại, 104 máy gặt đập liên hợp, 02 máy cấy; đảm bảo cơ giới hoá 100% khâu làm đất, 55,0% khâu gieo cấy, 91,4% khâu thu hoạch, 97% khâu vận chuyển...

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 6 về sản xuất trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

**3.7. Tiêu chí số 7 về môi trường:**

**a. Yêu cầu tiêu chí:**

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (Công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**\* Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:**

UBND huyện đã áp dụng các văn bản, chính sách, quy định liên quan đến việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn như Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định công tác tổ chức quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND



tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 25/01/2016 về tổ chức thực hiện thu gom, bốc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải và thu, quản lý, sử dụng phí vệ sinh, Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2017 về giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực Tây Đáy; Quyết định số 462a/QĐ-UBND ngày 19/03/2015 về ban hành đề án thành lập tổ hợp tác vệ sinh môi ....

Đến nay, 100% số xã đã thành lập tổ thu gom rác thải với tổng số 23 tổ hợp tác và hỗ trợ 25 xe thu gom rác (*Đợt 1: 3 xã Thanh Thủy, Thanh Lưu, Thanh Nguyên thành lập tổ hợp tác vệ sinh môi trường 60 triệu đồng/xe. Đợt 2: Các xã còn lại là 30 triệu đồng/xe*), 54 bãi chôn lấp (*bãi chôn lấp rác cách xa khu dân cư và được xử lý phun chế phẩm vi sinh khử mùi, định kỳ phun thuốc diệt côn trùng, rắc vôi bột; chôn lấp rác thải theo hình thức cuốn chiếu và phủ lớp đất bề mặt rác khi rác thải đạt độ cao thích hợp và trồng cây xung quanh*), 30 bãi trung chuyển đảm bảo vị trí thích hợp, xa khu dân cư và được ký kết với Công ty CPMT & Công trình Đầu tư Hà Nam và Công ty TNHHMT Thanh Liêm bốc xúc, vận chuyển đưa về nhà máy xử lý rác thải tập trung để xử lý; ước tính tổng lượng rác phát sinh khoảng 57,2 tấn/ngày, lượng được xử lý 54,31 tấn/ngày đạt 95 %.

Trên địa bàn huyện có 02 nhà máy xử lý rác tập trung của Công ty CP môi trường Thanh Thủy (*Thung Đám Gai - xã Thanh Thủy*) có 01 lò đốt đang hoạt động với công suất 50 tấn/ngày đêm và Công ty CPMT Hà Nam (*Thung Cỏ Chày - xã Thanh Thủy*) có 02 lò đốt công suất mỗi lò đạt 120 tấn/ngày đêm. Ngoài việc xử lý toàn bộ rác thải trên địa bàn huyện, 02 nhà máy còn tiếp nhận và xử lý rác thải sinh hoạt hàng của các huyện khác như thành phố Phủ Lý khoảng 105 tấn, Lý Nhân khoảng 15 tấn, Duy Tiên khoảng 18 tấn, Bình Lục và Kim Bảng 25 tấn. Trạm xử lý rác thải của nhà máy vận hành thường xuyên và hoạt động ổn định và đảm bảo theo đúng quy định.

Trên cơ sở Kế hoạch của UBND huyện gồm 5 nội dung: Nạo vét, san gạt vật liệu rơi vãi trên các tuyến đường (*7 tuyến với tổng chiều dài 32.742 m*); tưới nước làm ẩm mặt đường; nạo vét rãnh, mương thoát nước, khơi thông cống rãnh; trồng cây xanh và Công tác quản lý nhà nước. Ngày 13/9/2017, UBND huyện đã ký Hợp đồng giảm thiểu ô nhiễm môi trường (ONMT) khu vực Tây Đáy với Công ty TNHH Hợp Tiến để thực hiện nhiệm vụ thu gom vật liệu rơi vãi, tưới nước làm ẩm mặt đường để giảm thiểu bụi.

Đối với chất thải xây dựng: gạch, bê tông tháo dỡ, đá... UBND các xã thường xuyên kiểm tra công tác quản lý xây dựng, yêu cầu các chủ rác thải phải cam kết xử lý, chôn lấp, tái chế sử dụng... không đổ rác thải xây dựng bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan, an toàn giao thông trên địa bàn.

Đối với chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đều ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường. Riêng chất thải nguy hại phát sinh chủ cơ sở phải có nhà kho lưu giữ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH) và dán mã CTNH theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với chất thải từ sản xuất nông nghiệp: UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã thực hiện việc thu gom và xử lý như: phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đúng theo Thông tư số

05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Đến nay, tại các xứ đồng bố trí xây dựng 250 bể thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng để thu gom và vận chuyển, xử lý đúng quy trình.

Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện 01 Trung tâm y tế, 17 trạm y tế xã, thị trấn và một số phòng khám tư nhân. Hiện nay, Trung tâm y tế huyện đã đầu tư 01 lò đốt rác thải y tế đảm bảo quy trình để xử lý toàn bộ rác thải y tế phát sinh trong trung tâm, 17 trạm y tế các xã/thị trấn và các phòng khám tư nhân được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 và hướng dẫn của ngành Y tế.

**\* Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực-thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:**

Trên địa bàn huyện có 198 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp hồ sơ bảo vệ môi trường đã có thủ tục môi trường (*Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, Cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, Kế hoạch bảo vệ môi trường*) theo quy định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Các doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đóng trên địa bàn đều có các công trình xử lý nước thải và ký hợp đồng rác thải với đơn vị có tư cách pháp nhân để thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo quy trình, đồng thời có các biện pháp quản lý, xử lý và giảm thiểu chất thải, nước thải; thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận. Về đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam áp dụng với cơ sở phát sinh chất thải nguy hại trên 600 kg/năm, các cơ sở phát sinh thấp hơn phải có báo cáo định kỳ.

Tại 28 làng nghề và khu chăn nuôi tập trung thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường như có phương án bảo vệ môi trường và cam kết bảo vệ môi trường, đối với khu chăn nuôi tập trung xử lý chất thải bằng hầm Bioga, đệm lót sinh học đảm bảo an toàn về môi trường, điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.

Trên địa bàn huyện có 01 khu công nghiệp, 02 cụm công nghiệp, hiện tại các khu, cụm đều có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường và ký hợp đồng với các đơn vị xử lý rác thải công nghiệp theo quy định; có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, biện pháp bảo vệ môi trường. Đồng thời, các doanh nghiệp đều thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như: Quan trắc giám sát môi trường; quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại; nộp phí bảo vệ môi trường; thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định..

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3.8. Tiêu chí số 8: An ninh, trật tự xã hội:**

#### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

Hàng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có Kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Hàng năm, Huyện ủy ban hành Nghị Quyết, UBND huyện ban hành Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chỉ đạo lực lượng công an huyện chủ động bám sát mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ công tác đề ra, tập trung làm tốt công tác nắm, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình, giải quyết các vấn đề về an ninh trật tự xã hội một cách hiệu quả nhất.

Trên địa bàn huyện, các vụ việc liên quan đến đơn thư, khiếu nại, khiếu kiện đều được tập trung chỉ đạo giải quyết theo quy định, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Tội phạm hình sự cơ bản được kiểm chế, không để xảy ra tội phạm có tổ chức, sử dụng vũ khí nóng gây án. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện luôn được giữ vững ổn định, không để hình thành các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước. Riêng đối với các xã phức tạp về ANTT (xã Thanh Nghị, TT Kiện Khê), thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Nam về chuyển hóa địa bàn phức tạp về an ninh trật tự. Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo công an huyện xây dựng kế hoạch để thực hiện chuyển hóa địa bàn triển khai thực hiện tốt các văn bản của Đảng, Nhà nước, của ngành công an về công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Mô hình “Nhà nghỉ, nhà trọ, khu công nhân tạm trú an toàn về an ninh trật tự” tại xã Thanh Nghị, mô hình “khu dân cư không có tội phạm và tệ nạn về ma túy” tại thị trấn Kiện Khê từ đó góp phần giảm tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn. Đến nay, tình hình ANTT đã ổn định đảm bảo các tiêu chí chuyển hóa địa bàn và được Bộ Công an đưa xã Thanh Nghị và thị trấn Kiện Khê ra khỏi danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh-trật tự tại Quyết định số 1370/QĐ- BCA-V05 ngày 04/3/2019 của Bộ công an.

Công an huyện: Tập thể cán bộ, chiến sỹ Công an huyện luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ; đảm bảo giữ vững An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, nhiều năm liên tục đạt danh hiệu đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua vì ANTT tại cơ sở, được tặng cờ thi đua của Bộ Công an, UBND tỉnh.

Ban chỉ huy quân sự huyện: Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đảm bảo giữ vững An ninh chính trị trên địa bàn huyện. Năm 2018, lực lượng vũ trang huyện đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 3 tặng cờ thi đua xuất sắc. Lực lượng dân quân tự vệ huyện được xây dựng theo đúng quy định của Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009 và Quyết định số 1123/QĐ- UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Đề án “Xây dựng, hoạt động và đảm bảo chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ giai đoạn 2016-2021” với phương châm “Vững mạnh, rộng khắp”, có số lượng, cơ cấu thành phần và tỷ lệ hợp lý, chất lượng từng bước được nâng cao. Đội ngũ cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã thường xuyên được kiện toàn theo hướng cơ bản, được đào tạo đảm bảo đủ năng lực tham mưu cấp uỷ, chính quyền về công tác quốc phòng, quân sự cơ sở.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 8 về an ninh – trật tự xã hội trong bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:**

#### **a. Yêu cầu tiêu chí:**

- Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

##### **\* Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:**

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện được thành lập và thường xuyên kiện toàn đảm bảo công tác chỉ đạo được thông suốt, hiệu quả đúng quy định: Ngày 03/9/2009 Huyện ủy ban hành Quyết định số 606-QĐ/HU về thành lập Ban chỉ đạo xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới huyện Thanh Liêm giai đoạn 2009 – 2011; ngày 10/6/2011 ban hành Quyết định số 112-QĐ/HU về thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện. Ban chỉ đạo huyện thường xuyên được kiện toàn khi có biến động thành viên, ngày 15/10/2018 Huyện ủy ban hành Quyết định số 580-QĐ/HU về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo, triển khai, thực hiện Chương trình đảm bảo hiệu quả.

- Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động tại Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 04/7/2011 và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên, qua đó Ban chỉ đạo đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ cụ thể: Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Chỉ đạo ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo các xã đã

được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

**\* Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới:**

UBND huyện ban hành Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 về việc thành lập Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Thanh Liêm giai đoạn 2011-2020; quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đảm bảo đúng theo quy định.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp.

**c. Đánh giá tiêu chí:** Đạt chuẩn tiêu chí số 9 Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

## V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Kết quả đạt được:

- Đã huy động và phát huy tối đa vai trò của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò của chi bộ đảng, thôn, xóm và hộ gia đình trong xây dựng nông thôn mới; người dân là chủ thể và giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới tại mỗi địa phương; nhân dân đồng tình hưởng ứng, tự nguyện đóng góp tiền, của, công sức, hiến đất để xây dựng nông thôn mới.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn được tập trung đầu tư đồng bộ, diện mạo nông thôn đã thay đổi rõ nét, nhất là về hệ thống giao thông nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa, trường học và y tế.

- Nông nghiệp, nông thôn đã được phát triển theo hướng hiện đại trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn mới; các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng tăng cường liên kết sản xuất hàng hoá kết hợp với đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với sản phẩm chủ lực; cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; thu nhập, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và bền vững. Năm 2018, năm 2018 bình quân toàn huyện đạt 43,10 triệu đồng/người/năm, bình quân của 16 xã đạt 42,92 triệu đồng/người/năm, tăng 2,9 lần so với năm 2011; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (*giá so sánh 2010*) đạt 840 tỷ đồng, tăng 2,9 lần so với năm 2011 (*năm 2011 đạt 289,250 tỷ*); giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (*giá so sánh 2010*) đạt 11.019 tỷ đồng, tăng 6,7 lần so năm 2011 (*năm 2011 đạt 1.649 tỷ đồng*); tổng mức bán lẻ hàng hoá đạt 3.995 tỷ đồng, tăng 1,63 lần so năm 2011 (*năm 2011 đạt 2450 tỷ đồng*); thu ngân sách từ kinh tế trên địa bàn đạt 426,9 tỷ đồng, tăng 4,4 lần so năm 2011 (*năm 2011 đạt 97,786 tỷ đồng*); các chế độ chính sách về an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ, tỷ lệ

hộ nghèo giảm còn 2,56% (*hộ nghèo không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội là 1,10%*), giảm 3,75 lần số với năm 2011 (*năm 2011 là 9,6%*).

- Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường nông thôn ngày càng được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát triển; an ninh chính trị được giữ vững; trật tự xã hội được đảm bảo; hệ thống tổ chức chính trị ngày càng vững mạnh, dân chủ ở cơ sở được phát huy; nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Đến hết năm 2018 trên địa bàn huyện 16/16 xã (đạt 100%) được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

## **2. Tồn tại, hạn chế:**

- Một số xã chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa chú trọng đúng mức phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, giảm nghèo, phát triển văn hóa, cải thiện môi trường; Một số tiềm năng, lợi thế của huyện chưa được phát huy hiệu quả tối đa như về thương mại, du lịch - dịch vụ; thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế nông thôn chưa đồng bộ.

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị chưa nhiều; hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm chủ lực còn hạn chế. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn khó khăn, việc thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp vào nông thôn còn hạn chế, ngành nghề phát triển chưa đa dạng. Một số dự án đã được chấp thuận đầu tư nhưng triển khai chậm.

- Việc phân loại rác thải (*rác hữu cơ, vô cơ*) tại các hộ gia đình chưa thực hiện quyết liệt nên còn khó khăn cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý. Đặc biệt, tại các khu sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng công tác xử lý ô nhiễm khói bụi chưa được triệt để.

## **3. Nguyên nhân tồn tại:**

- Trong quá trình tổ chức thực hiện có lúc, có đơn vị chưa thực sự kiên quyết, quyết liệt, chủ động, sáng tạo, nhất là việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cũng như cách thức triển khai thực hiện các nội dung, xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí vì vậy kết quả đạt được ở một số xã chưa phát huy hết tiềm năng sẵn có.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới bao gồm nhiều nội dung, cần có nguồn kinh phí đầu tư lớn và thời gian để thực hiện; trong khi nguồn thu nhập của nhân dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp còn thấp, ngân sách địa phương còn hạn chế nên việc huy động vốn cho xây dựng nông thôn mới gặp khó khăn.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành đôi khi còn chưa kịp thời, chặt chẽ nhất là thời kỳ đầu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Một số địa phương tập trung chưa cao cho việc chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả nhằm khai thác các tiềm năng lợi thế của địa phương nên vùng sản xuất hàng tập trung quy mô lớn chưa nhiều.

## **4. Bài học kinh nghiệm:**

4.1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với có quyết tâm chính trị cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và của Ban chỉ đạo để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự quan tâm của toàn xã hội.

4.2. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, chủ thể và các chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới để người dân hiểu, biết, thực hiện và giám sát các hoạt động trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

4.3. Nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới.

4.4. Phải nắm vững mục tiêu và hệ thống tiêu chí nông thôn mới để có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng địa phương; phát huy cao các nguồn lực tại chỗ; lồng ghép các chương trình, dự án; lựa chọn, tập trung hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên tạo ra sự chuyển biến thực tế trên diện rộng, tạo niềm tin cho Chương trình.

4.5. Chỉ đạo xây dựng mô hình điểm, rút kinh nghiệm để nhân rộng đảm bảo xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện kinh tế của từng đơn vị.

4.6. Thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

## **VI. MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐIỂM, GƯƠNG ĐIỂN HÌNH TIÊU BIỂU TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Công tác dồn đổi ruộng đất nông nghiệp (ĐDRĐ NN)**

Thực hiện Kế hoạch số 572/KH-UBND ngày 03/05/2012 của UBND tỉnh Hà Nam về Dồn đổi ruộng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2011-2015. Ban thường vụ Huyện ủy ban hành Thông tri số 11-TT/HV ngày 12/6/2012, Chỉ thị số 03-CT/HV ngày 18/3/2014 về chỉ đạo công tác dồn đổi ruộng đất nông nghiệp; phân công Ủy viên Ban thường vụ, huyện ủy phụ trách cụm, xã. UBND huyện ban hành Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 23/7/2012; thành lập Ban dồn đổi ruộng đất, tổ công tác để trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Phương châm lấy địa bàn thôn, xóm để thực hiện, cấp xã trực tiếp chỉ đạo, điều hành theo Đề án và Kế hoạch, Huyện hướng dẫn kiểm tra, thẩm định, Tỉnh hỗ trợ. Kết quả, tổng diện tích đất thực hiện dồn đổi là 6.017,92 ha; Tổng số hộ sử dụng đất nông nghiệp dồn đổi: 25.261/25.477 hộ. Số thửa bình quân trước dồn đổi là 4,01 thửa/1 hộ; Số thửa bình quân sau dồn đổi là 1,92 thửa/1 hộ.

### **2. Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn:**

Giai đoạn 2011 – 2018, huyện đã triển khai nâng cấp và làm mới bê tông hóa được 27,7 km đường trục xã; 187,38 km đường trục thôn, ngõ xóm; cứng hóa được 185,95 km đường trục chính nội đồng đạt chuẩn. Đến nay 100% các tuyến đường có chiều rộng nền đường đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ giao thông vận tải.

### **3. Trồng hoa tạo cảnh quan môi trường nông thôn:**

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Kế hoạch và triển khai phương án trồng hoa hai bên đường liên xã, liên thôn tạo cảnh quan môi trường nông thôn.UBND

huyện Thanh Liêm ban hành Kế hoạch số 427/KH-UBND-NN ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc triển khai thực hiện Đề án trồng hoa hai bên đường liên xã, liên thôn tạo cảnh quan môi trường nông thôn; Phát động phong trào trồng hoa, cây xanh trên các tuyến đường, các trụ sở UBND xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học, nhà văn hóa thôn, xóm... Ngay khi Kế hoạch được ban hành, các cơ quan, các tổ chức chính trị xã hội từ huyện đến cơ sở triển khai luôn các mô hình điểm đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nhân dân hiểu về ý nghĩa và tác dụng của việc trồng hoa, tạo cảnh quan môi trường; UBND các xã thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện tại các địa phương; nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, tự giác tham gia việc trồng, chăm sóc, bảo vệ. Nguồn kinh phí thực hiện trồng hoa là 3.892,4140 triệu đồng ( bao gồm: tỉnh hỗ trợ: 1.069,1170 triệu đồng; huyện: 641,4702 triệu đồng; cấp xã: 1.467,4738 triệu đồng; thôn (xóm): 246,932 triệu đồng; hội, đoàn thể: 188,66 triệu đồng; nguồn xã hội hóa: 278,761 triệu đồng).

Đến cuối năm 2018, toàn huyện đã trồng 59.259,8 m<sup>2</sup> cây hoa làm thảm, làm viền và 1.563 cây hoa trồng điểm nhấn. Các cây hoa luôn được bảo vệ, chăm sóc nên phát triển tốt, cảnh quan toàn huyện sáng- xanh- sạch- đẹp.

#### **4. Cá nhân ủng hộ xây dựng nông thôn mới:**

- Bà Đào Thị Lơ - thôn Thanh Khê, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm ủng hộ xây dựng nông thôn mới xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm: 700 triệu đồng, trong đó: Ủng hộ xây dựng Nhà Văn hóa thôn Thanh Khê, xã Thanh Hải 300 triệu đồng; xây dựng trường Tiểu học xã Thanh Hải 70 bộ bàn ghế (trị giá 100 triệu đồng); xây dựng đình làng Thanh Khê, xã Thanh Hải 300 triệu đồng.

- Ông Nguyễn Hoàng Đông- thôn Tri xuyên, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm ủng hộ 500m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản trị giá 500 triệu đồng để làm đình làng và nhà văn hóa thôn.

#### **5. Doanh nghiệp ủng hộ xây dựng nông thôn mới:**

- Công ty xi măng Thành Thắng ủng hộ xây dựng nông thôn mới xã Thanh Nghị: 2,575 tỷ đồng và 160 nghìn viên gạch.

- Công ty xi măng Xuân Thành ủng hộ xây dựng nông thôn mới xã Thanh Nghị: 1,655 tỷ đồng.

### **VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

#### **1. Quan điểm:**

Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân, thời gian tới huyện tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị; quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là Chương trình nông thôn mới; tập trung các giải pháp đối với phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; không ngừng củng cố hệ thống chính trị, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng môi trường cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp; lãnh đạo, chỉ đạo, huy động các nguồn lực để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện, hướng tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

#### **2. Mục tiêu:**

- Hàng năm phấn đấu mỗi xã ít nhất nâng cao chất lượng từ 2 tiêu chí trở



lên, chú trọng các tiêu chí: Thu nhập, Y tế, Văn hóa, Môi trường và an toàn thực phẩm, An ninh trật tự - xã hội.

- Đến năm 2020 có 1-2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong đó có xã Liêm Phong đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội về môi trường; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 50 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí nông thôn mới còn dưới 1%; Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 65% trở lên; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên; Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh đạt 98% trở lên; Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; 100% số thôn (95/95 thôn) đạt danh hiệu làng văn hóa.

### **3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới**

#### **3.1. Về quy hoạch:**

Thực hiện nghiêm túc quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo yêu cầu về nội dung, nhiệm vụ đề án đề ra theo quy định đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo từng chỉ tiêu, tiêu chí; thường xuyên cập nhật, bổ sung quy hoạch mới để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, kết nối giữa quy hoạch huyện, tỉnh.

#### **3.2. Hạ tầng kinh tế - xã hội:**

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp các tuyến đường trục xã, thôn, đồng thời lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ, tại các tuyến đường trên địa bàn huyện; làm tốt công tác quản lý, nâng cấp, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện, xã; thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quá khổ, quá tải, vi phạm hành lang an toàn giao thông, lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè để sản xuất, kinh doanh...

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh; hàng năm xây dựng phương án, diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị và cơ sở vật chất khác đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, nâng cao chất lượng dạy, học; quan tâm công tác tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp trong các trường học.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa xã, thôn; đầu tư, bổ sung, nâng cấp các thiết chế văn hóa còn thiếu hoặc đã xuống cấp; có kế hoạch sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa đã được đầu tư.

#### **3.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất:**

- Tiếp tục phát triển và nhân rộng mô hình cánh đồng mẫu sản xuất cây hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch - an toàn liên kết với Evinco, Vingroup và các doanh nghiệp khác hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đạt năng suất cao, gia tăng giá trị lớn.

- Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã. Hỗ trợ và phát triển thêm các Hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo

chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

- Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo chiều sâu theo hướng vừa tiếp tục hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng vừa khai thác hiệu quả các lợi thế của từng vùng miền, tạo nên nét riêng có của từng địa phương nhằm hướng tới phát triển nông thôn bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn có kinh tế phát triển, môi trường sinh thái trong lành, bản sắc văn hóa làng quê được giữ gìn và phát huy, an ninh trật tự đảm bảo.

- Thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” có hiệu quả nhằm phát triển các hình thức tổ chức trong sản xuất sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và tạo ra nhiều sản phẩm đặc trưng của địa phương có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường.

#### **3.4. Y tế, văn hóa, giáo dục, môi trường:**

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa huyện, trạm y tế xã đảm bảo nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư; rà soát điều chỉnh hương ước, quy ước của thôn phù hợp sự phát triển chung của địa phương; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội khu vực nông thôn, mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu; mỗi thôn có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao.

- Chú trọng thực hiện có hiệu quả, thực chất việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mẫu giáo 5 tuổi, tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học, nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tiếp tục duy trì công tác vệ sinh, môi trường, xây dựng và giữ gìn cảnh quan môi trường nông thôn: đầu tư hạ tầng, hoàn thiện hệ thống thoát nước; quản lý việc thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ; cơ sở sản xuất trong làng nghề; cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản; kiểm soát các phương tiện vận chuyển và hoạt động của khu vực khai thác khoáng sản, hoạt động của cơ sở xử lý chất thải; cải thiện điều kiện sinh hoạt và đời sống cho người dân trong khu vực Tây Đáy.

#### **3.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự:**

- Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, xây dựng các tổ chức đảng, đảng viên trong sạch, vững mạnh, chính quyền luôn đạt danh hiệu tiên tiến trở lên, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Lực lượng công an tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong triển khai, thực hiện các mô hình về an ninh trật tự đã đang phát huy, duy trì, hoạt động có hiệu quả.

- Kện toàn lực lượng công an xã, đặc biệt tại các khu vực tiềm ẩn nguy cơ cao. Thường xuyên đánh giá tình hình đặc điểm, tính chất đặc thù của các địa bàn thôn xóm để triển khai, xây dựng các mô hình mới như mô hình “Camera an toàn về ANTT, tiếng kèng an ninh...” để góp phần giữ an ninh chính trị đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

#### **4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới:**

##### **4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và phát huy vai trò các tổ chức chính trị - xã hội:**

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nêu gương vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, đảng viên; đưa nội dung xây dựng nông thôn mới thành tiêu chí thi đua hàng năm.

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các tổ công tác chỉ đạo cơ sở, Văn phòng Điều phối nông thôn mới và các phòng ban của huyện; phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ được giao, bám sát cơ sở, tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới và phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội về xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo các xã tiến hành rà soát, xây dựng đề án, kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện đề án nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 tỉnh Hà Nam đã ban hành; phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

##### **4.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới:**

Tăng cường công tác tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, cách làm góp phần nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Đa dạng hóa về hình thức, nội dung tuyên truyền gắn với kết quả đạt được, những kinh nghiệm tốt, cách làm hay ở các địa phương, đơn vị để nhân ra diện rộng; phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu. coi công tác vận động, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, mặt trận và các hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

##### **4.3. Tập trung phát triển kinh tế- xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn:**

*\* Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường:*

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn và đẩy mạnh xúc tiến thu hút các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng kế hoạch phát triển các làng nghề và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khác có thể mạnh như: thêu ren Thanh Hà, Nón lá Liêm Sơn, Bánh đa Sở Kiện, Đá cảnh Liêm Cần...; phấn đấu đến năm 2020 Thanh Liêm có thêm từ 1 đến 2 làng nghề tiểu thủ công nghiệp và 3 làng có nghề được ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

- Đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát huy hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt chính sách với người lao động và đảm bảo thực hiện tốt các cam kết đầu tư. Triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để hình thành một số điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở một số xã nhằm sắp xếp lại sản xuất và tạo mặt bằng thu hút đầu tư mới. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ về điện, đường, cấp nước, thoát nước ở các khu, cụm đã quy hoạch. Ban hành quy định về quy trình, thủ tục đăng ký đầu tư, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư; chú trọng thu hút các nhà đầu tư có năng lực, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện, không ảnh hưởng môi trường sinh thái, gắn với giải quyết việc làm cho người dân địa phương. Phối hợp với doanh nghiệp tiến hành đào tạo nghề cho lao động địa phương đáp ứng yêu cầu tại doanh nghiệp.

**\* Tập trung nguồn lực đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa nông sản:**

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp và triển khai sản xuất theo quy hoạch; mở rộng diện tích lúa giống hàng hóa, lúa lai, lúa chất lượng cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả cao.

- Phát triển các gia trại, trang trại; giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư. Ưu tiên phát triển chăn nuôi khép kín, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; mở rộng việc liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp để tiếp nhận chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, nhất là đưa vào sản xuất các giống mới cho hiệu quả kinh tế cao..., nâng cao năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh của người nông dân. Rà soát, đánh giá hoạt động của các hợp tác xã, thu hút doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, gắn hoạt động của hợp tác xã, doanh nghiệp với khuyến khích mở rộng liên doanh, liên kết tiêu thụ nông sản, phục vụ sản xuất.

- Rà soát, đánh giá lại việc tiếp cận các cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của Trung ương, tỉnh, trên cơ sở đó, huyện có cơ chế hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, ưu tiên hỗ trợ để xây dựng các mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, các mô hình điểm, trình diễn, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể, chi tiết các nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu để có kế hoạch, giải pháp thực hiện cho từng tuần, tháng, xác định khối lượng hoàn thành để kịp thời có giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng, triển khai đồng bộ trên tất cả các tiêu chí. Hàng năm tổ chức phát động phong trào xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và gắn các cuộc thi do huyện, xã triển khai để luôn tạo được phong trào thi đua giữa đơn vị, tạo được sức lan tỏa trong thực hiện, nhằm xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu bền vững, hiệu quả.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” để phát triển sản phẩm hàng hóa chất lượng cao mang tích đặc trưng lợi thế của địa phương, tổ chức sản xuất; hỗ trợ làm giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực

phẩm, chứng nhận VietGAP, PGS, mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa... cho sản phẩm nông sản sạch; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại trong chuỗi chu trình sản phẩm OCOP tiếp cận thị trường để quảng bá sản phẩm, tạo đầu ra ổn định cho nông sản hàng hoá, sản phẩm làng nghề, phấn đấu năm 2019 có ít nhất 02 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP hạng từ 3 sao trở lên và đến 2020 có thêm từ 02 - 03 sản phẩm đạt hạng từ 3-5 sao; giai đoạn 2021- 2030 mỗi năm phát triển thêm từ 1-2 sản phẩm OCOP mới, từ 2-3 tổ chức kinh tế (*Tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa*) tham gia Chương trình OCOP nhằm phát triển sản phẩm của các làng nghề như: Thêu ren Thanh Hà; bánh đa nướng Sở Kiện; Nón lá Liêm Sơn....

**\* Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ và du lịch:**

- Phát triển, mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ gắn với các hoạt động du lịch; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề; phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ, bán buôn, bán lẻ.
- Tiếp tục hỗ trợ và thu hút đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ nông thôn, tạo điều kiện giao lưu trao đổi hàng hóa, phát triển các dịch vụ trong vùng.
- Bảo vệ và nâng cấp các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, hạ tầng du lịch, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể ngay trong cộng đồng để bảo tồn phát triển để thu hút du khách.

**\* Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:**

- Tổ chức tuyên truyền tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức, ý thức của nhân dân trong phân loại, xử lý rác thải ngay tại hộ gia đình; xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường; duy trì việc tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm ở các khu dân cư; cải tạo rãnh thoát nước ở các trục đường thôn xóm; nhân rộng mô hình đường hoa, trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp đặc biệt dọc các tuyến kênh trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, có biện pháp ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường. Nâng cao công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa từ các cơ sở sản xuất trong các làng nghề để xây dựng các công trình xử lý chất thải đảm bảo môi trường, khắc phục ngay tình trạng xả thải trực tiếp. Nhân rộng mô hình câu lạc bộ cựu chiến binh thu gom rác và bao bì thuốc Bảo vệ thực vật ở các cánh đồng sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường các biện pháp hạn chế phát sinh bụi gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là môi trường vùng Tây đáy:

+ Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành của tỉnh chỉ đạo các cơ sở khai thác, chế biến, vận chuyển vật liệu xây dựng, xử lý rác thải thực hiện đúng những cam kết về bảo vệ môi trường. Thường xuyên quan trắc, kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường (khí thải, nước thải, chất thải rắn...) đối với các cơ sở sản xuất, đặc biệt các nhà máy xi măng trên địa bàn huyện để phát

hiện, ngăn ngừa và có biện pháp xử lý kịp thời các tác động môi trường không để ảnh hưởng đến người dân.

+ Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2017 về giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực Tây Đáy, gồm 5 nội dung: Nạo vét, san gạt vật liệu rơi vãi trên các tuyến đường; tưới nước làm ẩm mặt đường; nạo vét rãnh, mương thoát nước, khơi thông cống rãnh; trồng cây xanh và Công tác quản lý nhà nước. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các nội dung đã ký Hợp đồng giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực Tây Đáy với Công ty TNHH Hợp Tiến về thu gom vật liệu rơi vãi, tưới nước làm ẩm mặt đường để giảm thiểu bụi.

+ Trong thời gian tới huyện xin chủ trương lập quy hoạch, phương án di dời tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác khoáng sản khu vực Tây Đáy (625 hộ) ra khỏi khu vực sản xuất để đảm bảo an toàn, đời sống không bị ảnh hưởng.

#### ***- Củng cố phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:***

Chú trọng công tác quản lý quy hoạch theo hướng phát triển bền vững; xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp các tuyến giao thông nông thôn, đầu tư khớp nối đồng bộ hệ thống giao thông của xã với giao thông của huyện và tỉnh; hoàn thiện hệ thống thủy lợi; trường học, trạm y tế xã, nhà văn hóa; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành nhà máy nước sạch tập trung tại xã Thanh Nghị, Nhà máy nước sạch liên xã Thanh Tâm và Liêm Sơn. Phấn đấu đến năm 2020, dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

#### ***- Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, xã hội:***

Tổ chức tốt phong trào văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên địa bàn, đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến xã, thôn. Nâng cao chất lượng gia đình, thôn, cơ quan, đơn vị văn hóa; hình thành và phát triển các câu lạc bộ, mô hình văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; bổ sung các quy ước về xây dựng thôn văn hóa gắn với nông thôn mới, nhất là thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong thực hiện việc cưới, việc tang,... Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phát triển các môn thể thao mũi nhọn có thế mạnh của huyện như bơi thuyền chài, bơi lội, võ vật...

#### ***- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân:***

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế ở cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng và các chỉ tiêu, nhiệm vụ về dân số, gia đình và trẻ em. Nâng cao kiến thức của người dân về bảo vệ sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng các công trình hợp vệ sinh. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y bác sỹ huyện, xã; nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh cho nhân dân; đẩy mạnh khám chữa bệnh bằng y học hiện đại và kết hợp y học cổ truyền. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa huyện, y tế xã đảm bảo nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và thường xuyên tuyên truyền, vận động

nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, phần đầu tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 95% trở lên.

**- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn huyện:**

Duy trì ổn định quy mô trường lớp theo chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giữ vững kết quả phổ cập ở các cấp học; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài, nhằm khuyến khích nhu cầu học tập của người dân và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

**- Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững:**

+ Triển khai thực hiện tốt lồng ghép các chương trình giảm nghèo trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; thực hiện đồng bộ các chính sách, dự án giảm nghèo, đặc biệt quan tâm đến việc lồng ghép các chương trình, dự án có mục tiêu, hoạt động giảm nghèo để nâng cao hiệu quả giảm nghèo, gắn với thực hiện chính sách trợ giúp xã hội để trợ giúp đối với hộ có hoàn cảnh khó khăn.

+ Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động theo yêu cầu của thị trường, nhu cầu xã hội; đồng thời tập trung nâng cao chất lượng dạy nghề, hiệu quả dạy nghề. Quản lý và thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công; đảm bảo có cuộc sống ổn định về đời sống vật chất và tinh thần. Thực hiện nghiêm túc công tác điều tra, rà soát hộ nghèo theo quy định; đánh giá, phân tích và xác định chính xác, thực chất tỷ lệ hộ nghèo, nguyên nhân nghèo đối với từng hộ gia đình, từ đó có giải pháp cụ thể để thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ thoát nghèo bền vững; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai chương trình giảm nghèo, trợ giúp xã hội.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế...

**4.4. Giữ vững an ninh trật tự - xã hội:**

Tổ chức nghiêm túc có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”. Nghị quyết số 32 của Chính phủ về “Một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế TNGT và ùn tắc giao thông”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao cảnh giác trong các tầng lớp nhân dân và chủ động phòng ngừa đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Tăng cường chỉ đạo công tác an ninh trật tự, tổ chức cao điểm các đợt tấn công trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại tố cáo, không để xảy ra tình trạng khiếu nại tố cáo kéo dài, sự việc nổi cộm, điểm nóng và trọng án xảy ra trên địa bàn. Củng cố, kiện toàn lực lượng công an xã; bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng, phó công an xã (đến nay đã bố trí được

tại 5 xã, phấn đấu đến năm 2021, 100% chức danh trưởng, phó công an xã đều bố trí công an chính quy đảm nhiệm), đặc biệt tại các khu vực tiềm ẩn nguy cơ cao về mất an ninh trật tự, khu tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, xi măng, khai thác khoáng sản, khu xử lý rác thải tập trung để chủ động nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Kết quả sau 08 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Thanh Liêm đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp xã (16/16 xã đạt chuẩn), cấp huyện (đạt 09/09 tiêu chí), vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2015 ÷ 2020 đề ra.

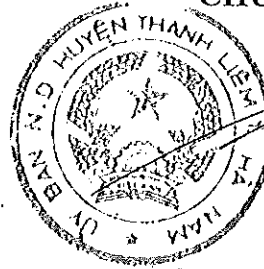
Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2018 của huyện Thanh Liêm. UBND huyện Thanh Liêm trân trọng đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, công nhận huyện Thanh Liêm đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018./.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Liêm)

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- VP điều phối NTM Trung ương;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- BCD XD NTM tỉnh Hà Nam,
- VP điều phối NTM tỉnh Hà Nam;
- Các Sở, Ngành, đoàn thể tỉnh Hà Nam;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- VP điều phối NTM huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn;
- Lưu: VT, BCD NTM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Mạnh Dũng



tại 5 xã, phấn đấu đến năm 2021, 100% chức danh trưởng, phó công an xã đều bố trí công an chính quy đảm nhiệm), đặc biệt tại các khu vực tiềm ẩn nguy cơ cao về mất an ninh trật tự, khu tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, xi măng, khai thác khoáng sản, khu xử lý rác thải tập trung để chủ động nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Kết quả sau 08 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Thanh Liêm đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp xã (16/16 xã đạt chuẩn), cấp huyện (đạt 09/09 tiêu chí), vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2015 ÷ 2020 đề ra.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2018 của huyện Thanh Liêm. UBND huyện Thanh Liêm trân trọng đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, công nhận huyện Thanh Liêm đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018./.

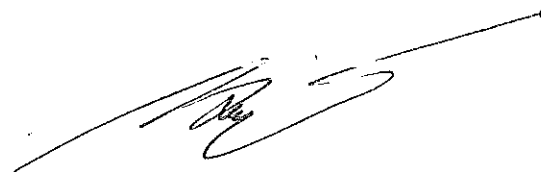
*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Liêm)*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- VP điều phối NTM Trung ương;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- BCD XD NTM tỉnh Hà Nam;
- VP điều phối NTM tỉnh Hà Nam;
- Các Sở, Ngành, đoàn thể tỉnh Hà Nam;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- VP điều phối NTM huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn;
- Lưu: VT, BCD NTM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**

(Dề b/c)



**Hoàng Mạnh Dũng**